

TRİ TÂN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI

1 năm 35\$00 — 6 tháng 18\$00 — 3 tháng 9\$00

MỤC LỤC

- * Lịch-sử nhi-đồng-học từ Đức, Nga đến Nhật, Hoa Hoa-Bằng
- * Tùý bưng Lãng-ngã n-Tử — Mộng-Sơn
- * Lịch sử vùng Hồ Tây (hết) Ứng-Hòe
- * Đại Nam đặt sự (XLVIII) Nguyễn-văn-Tố
- * Tài liệu đề đình chính những bài văn cổ (LXXI) Ứng Hòe
- * Cuộc trưng bày tranh Phật của họa sĩ Cộng-vân-Trung của Biệt-tam Trần-huy-Bá
- * Đồn Cá Trê và Đồn Rạch Bàng (hết) Lê-thọ Xuân
- * Truyện cụ Chu-An (I) Trần-hàm-Tấn
- * An tư (tiểu thuyết XVII) Nguyễn huy-Tướng

0\$70



Lịch-sử nhi-dồng-học

TỪ ĐỨC, NGA ĐẾN NHẬT, HOA

HOA BAN

Hai kỳ trước, tôi đã nói đến nhi-dồng-học ở H, Pháp, Anh, Mỹ, nay xin nhắc tới lịch-sử nhi-dồng-học ở các nước Đức, Nga, Ý, Nhật, và Trung-hoa.

Nhi-dồng-học ở Đức. — Có thể nói Dietrich Tiedemann là ông tổ của khoa nhi-dồng-học trên thế-giới. Vì từ năm 1787, Tiedemann phát hành một thiên *quan-sát sự phát-triển của tinh-thần và năng-lực nhi-dồng*, mở đầu cho công-ước nghiên-cứu phi-đồng-tục khoa-học.

Đến năm 1856, Sigismund quan-sát trẻ em bằng cặp mắt y-học, viết cuốn « Nhi đồng với thế giới » (*Kind und welt*). Sau khi sách này ra đời, các nhà sinh-lý-học và y-sư dần dần cảm thấy có nhiều hứng thú đối với sự nghiên-cứu con nít.

Khoảng từ 1880 đến 1897, Preyer hái được nhiều cái sở-đắc về sự nghiên-cứu nhi-dồng. Cuốn « Truyện-ký nhi-dồng » (*De seele der kindes*, của Preyer viết năm 1892) khai mào cho học-giới Đức cái phương-pháp nghiên-cứu bằng lối viết truyện-ký. Preyer thật xứng với cái danh là nhà tân-kiến-thiết về nhi-dồng-học ở Đức.

Rồi, Plass nghiên-cứu những vấn-đề như xã-hội, phong-tục, tập-quán có ảnh-hưởng đến nhi-dồng.

Vieroeđt viết những tác-phẩm tuy dườg chỉ chuyên về giải-phẫu-học và sinh-lý-học, nhưng có ảnh-hưởng gián-tiếp rất lớn đến nhi-dồng-học.

Amiēnt hay nghiên-cứu về lịch-sử của khoa nhi-dồng ngôn-ngữ-học và nhi-dồng tâm-lý-học.

Meumann nghiên-cứu sơ sơ về nhi-dồng chưa vào nhà trường.

Stern trước-tác rất nhiều, làm việc nghiên-cứu nhi-dồng một cách triệt-đề.

Ngoài ra, còn nhiều nhi-dồng-học giả khác như Koch, Zimmer, Truper, Die Schmidt, Buckner, Seupin, Dyroff, Gross, Ruitman v. v. đều là những người hết sức theo đuổi một môn học ấy.

Tạp-chí thì có tờ *Zeitschrift für kinderforschung* chuyên nghiên-cứu về nhi-dồng như tên nó đã mang đó.

Nhi-dồng-học ở Nga. — Nhà họ: gả Netschajeff có viết nhiều sách về nhi-dồng-học. Năm 1904, ông sáng lập-xã-viện nghiên-cứu nhi-dồng ở Petrograd.

Từ khi thành-phủ Xô-viết thành lập, người Nga lại càng chú ý đến vấn-đề nhi-dồng, vì họ cho rằng ở trong cái xã-hội ốm yếu này, muốn mong thực-

hiện những công-ước mới-mẽ, quyết không thể hi-vọng ở hạng già đầu-óc trần hủ, không thích-hợp với đời, cũng không thể trông cậy vào đám thanh-niên đã mấ: phải lưu-độc một cách trầm trọng, tinh-thần về oải, bơ-phờ, nên họ hết sức đào tạo nhi-dồng, lựa lấy một loạt nhi-dồng mình-mẩy cường tráng, tinh-thần lành-mạnh mà trao-giới cho những môn giáo-dục thích-đang dễ tương-lai có thể đủ tư-cách làm cột trụ của xã-hội, thực-hành hết thấy những lý-thưởng mới.

Nhi-dồng-học ở Ý. — Luigi Ferri có nghiên-cứu những bước phát-triển của tính-mô-phỏng, sự chú-ý và tri-giác của nhi-dồng.

Attolenghi nghiên-cứu về xúc-giác của con trẻ.

Gabini nghiên-cứu về thành-âm nhi-dồng, phàm những biến-thiên của tiếng nói, sự run động nhiều hay ít, tiếng khóc chóng hay lâu, tác-giả đều ghi chép kỹ-càng cả. Đến sự phát-triển của sắc-giác nhi-dồng, Gabini cũng nghiên-cứu tinh-tế. Tác-phẩm của ông viết về khứu-giác nhi-dồng cũng có giá-trị.

Nữ sử Montessori đề-xướng cải-lối giáo-dục theo chủ-nghĩa tự-động, nghĩa là mở-thang bản-

chất thi-dồng khiến họ biết tự làm những việc theo bản năng của họ. Tác-phẩm của bà cũng được người đời chú ý.

Nhi-dồng-học ở Nhật. — Người đi đầu làm việc cho nhi-dồng học ở Nhật, ấy là Cao đảo-Bình-Tam-lang. Trong các sách về phương-dien này của Cao - đảo, sách dịch chiếm số nhiều hơn. Còn tác-phẩm trọng yếu của ông tôi như *Nghiên-cứu nhi - đồng theo cách ứng-dụng giáo-dục* (1911), *Thần-thê và thần-linh nhi-dồng* (1914).

Tùng-bản-Hiếu-Thứ-lang có cuốn *Nhi-dồng tâm-lý học*.

Năm 1809, Ngoại-sen-Giun - Nhật và Nguyên-lương Dũng-Tứ-lang có *Thế-hệ* « Nhật-bản giáo-dục nghiên cứu hội », theo đuổi công việc nghiên cứu nhi - đồng nhưng không được bao lâu, Hội ấy đổ.

Năm 1898, Cao - đảo-Bình - Tam lang cùng Tùng-bản-Hiếu-Thứ-lang và Chung-nguyên-Chính-Thứ có làm chung tờ tạp-chí *Nhi-dồng nghiên cứu*.

Qua năm 1902, họ lập Hội « Nhật bản nhi-dồng-học », dùng tờ tạp-chí trên làm cơ quan. Hội này được Phú-sĩ-Xuyên-Du giúp đỡ, sống mãi đến ngày nay.

Gần đây, Quan-Khoa-Chi có viết cuốn *Nhi-dồng học*, trong

chia làm 5 thiên: 1 Tổng-thuyết, 2 Sự phát triển của nhi-dồng, 3 Thần-thê của nhi-dồng, 4 Tinh thần của nhi-dồng, 5 Sự khác biệt của nhi-dồng. Cuốn sách có phụ-lục: a) Sự phát-đạt của cách chơi đùa

và thư-quan và phát-lập (Đến năm 1928, bản dịch sách ấy được in lại lần thứ tư).

Nhi-dồng-học ở Tàu. — Ngày xưa, ở Tàu cũng như ở ta, nhi-dồng học có địa vị trong xã hội thấp: có chăng cũng chỉ là một nghề kém hãnh-dáng thôi.

Mãi đến khi chịu ảnh-hưởng của học-thuyết áp-mỹ, người Tàu mới dần dần coi nhi-dồng học như một ngành khoa-học nghiêm-tức.

Những sách về nhi-dồng-học của Tàu phần nhiều dịch - thuật của người nước ngoài.

Ngoài cuốn sách do ba nhà văn Tàu dịch theo của Quan-Khoa-Chi như trên đã nói, Tấn-Vĩ-Truyền Mô-tô dịch cuốn *Les enfants modernes sur les enfants d'Australie*, dựa trên là *Nhi-dồng học dịch của quan-niệm*.

Sách trước-tác thì có phạm *Nhi-dồng tâm-lý chi nghiên cứu*, của Trần Hạ-Cầm. Sách chia làm hai cuốn: thượng và hạ, in năm 1925 và tái bản năm 1930. Sách

đó do tác giả câu-cứ vào chỗ lý-lý nghiệm hội-quan sát ở lứa con nết của mình mà viết ra. Rồi lại tham khảo thêm các sách tâm-lý nhi-dồng của nhiều học giả Âu Mỹ nữa. Phạm những vấn-đề thế-hệ này, như *Thế-hệ và tâm-lý* (1928) và *Thế-hệ và tâm-lý* (1930).

Tây ngữ

ĐÊM THU MƯA GIÓ

Trần gió kim phong bỗng thổi vào.
Đêm trường tâm tã giọt mưa thu.
Nồn sông một dải nước lung tõe!
Giời bề năm phương mây mịt mù!
Giục sáng canh gà nhẹ cựa cựa.
Kêu sầu con dế hó vi vu!
Bảo giờ nắng ráo, bao giờ tanh?
Chỉ để làm than mất thế rồi!

LẠNG-NGÂN-TU

CHỢ RỪNG

Em ra chợ bán cơm đường
Người rằng: « cảm giấy », phải-phàng
chê-bal.
Bực mình, cảm giấy bán chơi,
Người thì như ghen, buồn ơi là buồn!

HỘI MÀN

Ngày ngày anh ngắm mây trôi,
Anh cười, anh hát ở đời ở đây,
Ngồi rừng, anh hỏi có hay,
Tàu lặn đáy biển, may bay lưng lớt.

MỘT NG-SƠN

của trẻ con, b) Cảm-giác của trẻ con đối với thú vật, phát.

Qua năm 1922, sách này được mấy nhà văn Trung-hoa, Chu Mạnh-Thần, Thiệu-Nhan-Mô và Phạm-Nguyên-Thần dịch thuật ra tiếng Việt, do Trung-ban Thư-sách

LỊCH-SỬ VÙNG HỒ TÂY

(bản mới)

Ưng-hoà NGUYỄN-VAN-TỐ

Làng Quảng-Là cũng ở địa phận Hồ Tây, thờ bảy vị thành hoàng, thì ba vị có tên trong sử là Bồ-cái đại-vương, tức Phùng-Hung, Từ tông quân tức Từ-Mục, và Phùng thái phó tức Phùng Tá-Chu. Sự tích Bồ-cái đại-vương thì ai cũng biết là một bậc anh-tùng đã khởi nghĩa trong khi nước ta bị nhà Đường đô hộ (năm 791 sau T. C.), tưởng không phải kể lại, chỉ nhắc rằng: Hai chữ « Bồ cái » ấy có chép rõ trong sử: thế là chữ nôm của ta ít ra cũng đã có từ thế-kỷ thứ tám.

Có người cho chữ « bồ » có trước chữ « bổ »: *Linh-nam trích-quái* chép truyện Hồng-bàng có câu « người nam gọi cha là bồ », nhưng không có chứng cứ chắc-chắn bằng chữ « Bồ cái », vì *Khâm-định Việt-sử* (tên biên, q. 4, tờ 26b) chép rằng: « cổ tục hiệu phụ viết bổ, mẫu viết cái », nghĩa là « tục xưa gọi cha là bổ, gọi mẹ là cái », mà hiện nay đây còn nhiều nơi gọi cha là bổ.

Bốn chữ hiệu mà đặt nửa chữ nửa nôm như thế, có người cho là chưa biết lối đặt văn. Nhưng có lẽ không phải thế, nước ta về đời bấy giờ đã qua đời Tịch-Quang, Nam-Điền và đời Sĩ-Nhiếp đem chữ dạy ta, nhận là nước ta cũng có chữ tiền-sĩ, tức như anh em Khuông công Phụ, đồ hiệu-liêm, mà họ lại cũng có rồi. Lại xem như đời Trần-Lý (544-602) đã biết đặt chữ Thiên-đức, chữ Văn-xuân, và « kinh khi Phùng-Hung còn, cũng

biết dùng những chữ, Đồ-quân và Đồ-bảo, ta lại không biết dùng chữ nôm thay vào hai chữ « Bồ cái » hay sao? Nhưng đây là dân nước ta lúc bấy giờ thương mến ông Phùng-Hung nên đặt hai tiếng nôm ấy để tỏ tình thân mật như cha con mẹ con trong một nhà. Cũng như trong *Kinh-Thi* chép dân Tàu gọi Văn-vương là « Phụ mẫu... » Dù sao chăng nữa, ta cũng có thể lấy đây làm bằng chứng rằng: chữ nôm của ta ít ra cũng có từ năm 791, mà chữ nôm ấy tức là chữ quốc-ngữ của ta ngày xưa. Thế thì quốc-ngữ của ta đã có đến hơn nghìn hai trăm năm rồi. Đến sự tích Từ tông-quân, tức Từ-Mục, sử chép làm quan về đời Lê Đại-hành (900-1005) « vua sai Từ-Mục và Ngô-lữ-Canh sang sứ Chiêm-thành, bị người Chiêm bắt giam. Lê Đại-hành giận lắm, năm 982 thân chinh đánh Chiêm, thắng trận ». *Đại-Việt sử-ký, toàn-thư*, q. 1, tờ 16a). Không thấy chép rõ Từ-Mục về nước vào năm nào, chỉ thấy chép « năm bình tuất thứ bảy » (tức năm 986) Lê Đại-hành cho Từ-Mục làm tông-quân coi việc quân dân và cho tước hầu ». *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 1, tờ 16b). Đến năm 1000, *Khâm-định Việt-sử chính biên* (q. 1, tờ 34a) chép rằng: « Năm canh-tý, thứ bảy, thăng tước Từ-Mục di tuần coi phía tây hồ. Ngô-lữ-An đi tuần phía bắc, đồ xem, rồi lĩnh binh ngoài biên-thùy ». Sử chép như thế,

thì Từ-Mục cũng là người có công với nước, cho nên khi mất có làng thờ làm thành-hoàng tỉnh nay đã gần một nghìn năm.

Sự tích Phùng-Tá-Chu thì thần-tích làng Quảng-là chép « là con Phùng-Tá-Thang, là họ ngoại với nhà Trần ». *Khâm-định Việt-sử, chính biên* (q. 6, tờ 5a) chép « Phùng-Tá-Chu xưa làm quan đời Lý, theo đảng với Trần, được thân yêu, an dùng. Đến năm thứ hai hiệu Kiến-trung (1226), Trần Thái-tông sai đi coi phủ Nghệ-an, được quyền tự ý cho người chức tước, từ tá-chức như xạ-niên đồ xuống, cho trước rồi tâu sau ». Năm 1233, tức « năm thứ hai hiệu Thiên-ứng-chính bình, Phùng-Tá-Chu duyệt định các sắc mục ở Nghệ-an » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 6, tờ 13a). Sang năm sau (1234) phong làm Hưng-nhân vương. Nguyên Phùng-tá-Chu làm quan đời Lý đến chức thái-phó; khi Trần Thái-tông được nhà Lý tuyển ngôi, (năm 1225), tá-Chu có công giúp đỡ, cho nên sau khi phong vương, lại gia phong làm đại-vương. (*Khâm-định Việt-sử, chính biên*, q. 6, tờ 14a). Đến năm kỷ-hợi (1239), Trần Thái-tông lấy Túc-mạc là chỗ ở-tướng, cho Phùng-Tá-Chu làm nháp nội thái-phó, coi việc làm cung điện, để thời-thượng tới ngự.

Sang năm sau (1240), sai Phùng-tá-Chu làm năm sở hành-cung ở Thanh-hóa (tạo Thanh-hóa hành-cung: Mền Phùng-tá-Chu « hành-

ạo, phạm ngũ sở (Khâm - định Việt-sử, q. 6, tờ 20a).

Xem thổ, thì biết việc kiến-trúc của ta về lễ-kỷ, mười ba cũng đã tiên-bộ, mà Phòng-tà-Chu cũng là một tay doanh-tạo giỏi, trong đời bấy giờ, phò nên đã làm đến Thái-phó, tước đến đại-vương, mà vẫn trông nom việc xây đắp: những cung điện chếp đầy, cốt để giúp việc khảo cổ, nhất là những người đồ tể đi tìm vết-tích đời Trần.

Ấy là ba vị có tên trong quốc-sử, còn các vị như Minh - Khiết, Bảo-Trung, Triều - đình và Cần-giang đều có sắc từ đời Cảnh-trị (1670) nhà Lê.

Làng Nghi-tám ở bên cạnh Hồ-tây cũng thờ ba vị Minh - Khiết, Bảo-Trung, Triều - đình như làng Quảng-bá, và có thờ Lỗ-quốc tái-sư Đại-vương, Quỳnh - hoa công-chủ, Bạch-hoa phu-nhân. Sự tích các vị này chỉ có thần-tích, không có tên trong sử, nhưng cũng có sắc từ triều-Lê.

Còn làng Nhật-tân cũng có địa-phần Hồ-tây thì từ Uy-linh làng Núi-làng Yên-phù, trên này xưa kia.

Bài tụng cảnh Hồ - tây của Chuông linh hầu có câu: «Đền Mục-làng hương khói chẳng đời, tay lái phép lấy ghi công hải hồ, quán Trấn - vũ năng sinh nào chuyển, lưới gươm thiêng còn đề dấu dâm rùa». Đền Mục-làng tức đền thờ Mục - Tiên là thành - hoàng làng Yên - thị và Trích-Sai, đã nói trên.

Còn quán Trấn-vũ ta thường gọi là «đền Quán-ti-án», thờ đức Bắc-phương Trấn-thiên vị án-vũ, huyền-thần thượng-đế. Ng. yên xưa ở trong thành Thăng-long, gần năm thế 5 hiệu Hồng-đức (1474) đời Lê

Thánh-tông, vì nền cung của vua chật hẹp muốn mở rộng thì vương đế, mới do trạng khác nhà đến, dịch dời ra ngoài thành. Vua Lê Thánh-tông tự làm sở-âu ki-ân, được dựng đền ở chỗ bấy giờ, tức là địa-phần làng Thụy-khuê (xưa là Ti-ủy - cầu-vong). Đến tháng 11 năm thứ 2 hiệu Chính-hòa (1681) xuất tiền kho mua đồng đúc tượng, sai bồi-tổng là Đặng-công-Toản và Hồ-sĩ-Dương làm văn-ba.

Xưa là Trấn-vũ quán đến năm thứ 2 hiệu Minh-mệnh (1821) vua ra Bắc, cho năm mươi lạng bạc đề-tu bổ, năm thứ 21 hiệu Minh-mệnh (1840) dời tên là Chân-vũ-quán và sai quan-đấn tể. Năm Thiệu-trị thứ hai (1842) vua ban một đồng tiền vàng chạm rồng, cũng sai quan-đấn tể. Hiện ở đền có tấm biển đồng khắc bài thơ của vua Thiệu-trị như sau này: «Tam hóa thần thông dẫn giảng tướng, trùng ly lĩnh dụ đạo di chương. Tỷ dân từ kiến thanh tào quán, bực quốc đa truyền vương-vũ-dương. Bình-tạ, hèn linh Minh-Vinh x lạc, Đấng ma, trừ thuật Ti-ực An-đương, chơn-tọa tăng bi-lưu kim-bích, sáng-plung kên-y liên Bắc-phương», nghĩa là Bực tam hóa thần thông (1) sinu ra đề giảng pháp cho dân, trùng ly yên (2) đạo cang ô, giúp dân sáng thấy làm xong việc tào bộ. Phò nước phần nhiều truyền về việc Vũ - dương (3) Đẹp, giáo hèn linh ma trừ thuật An-đương (4). Đấng, Chính-hóa rừ-rỡ thêm ma sáng bạc. Thờ cúng cầu xin (bỏ yên đức-hà-lý) (5).

Tại sao tượng Trấn-vũ lại dõng cao lớn hơn các tượng khác? Cổ người Pháp dịch sách Tàu chép như sau này: «Ngày xưa trên có Thượng-đế, coi cả giới đất, dưới có Thanh-đế coi phương đông, Xích-đế coi phương nam, Bạch-đế coi phương tây, Huyền-đế coi phương bắc, Hoàng-đế coi ở giữa. Ngày nay trong Thần-thoại mất gần hết cả, chỉ còn lại có Huyền-đế coi phương bắc, nay là Huyền-thiên thượng-đế, hoặc Thần-vũ chân-quân, hoặc Thần-vũ châu-quân hay Bắc-hực dục-chân thần quân voi-phía bắc trời đất, trong ngũ-hành thuộc hành thủy,

(1) «Tam hóa» do chữ «mặt tam hóa» tức tác-quyển nghĩa là «con rùa ba lần hóa kiếp làm con cuốc», vì tượng Trấn-vũ có vẻ hình con rùa nên đặt chữ Tam-hóa.

(2) «Trùng ly» là hai quả ly, hai quả ly tức là quả khảm: khảm là phương Bắc. Trấn-vũ coi phương Bắc nên dùng chữ trùng ly.

(3) Sách ta chép Minh-pháp-th-đ (1403-1421) Hoàng-quy-đạo thấp thì khởi loạn, người Minh thua, tự nhiên giữ giới có người cầm giáo khác động tâm (1) giữ giới, giáo tin, Minh-pháp-th-đ nổi Trương Thiết-sư biết là thần Ghán-vũ, mới dựng đền ở nội Vũ-dương, là tượng vàng đề thờ cùng làm chay lễ tạ.

(4) Sách ta chép đời Thục An-dương-vương (257-208 trước T. C.) có thần bạch-kê và quỷ (?) và lại ở núi Thất-th-đ, thần Trấn-vũ hiện ở núi Xuân-lôi để trừ gien quỉ (?). Thục-vương làm miếu ở cửa Bắc để thờ.

(5) Lê II, 1639 (1670-1704) đức tượng đồ ngỗng ngỗng rất khéo, cao lớn như hai tấc, chủ-vi làm thười bằng sắt, nặng 600 cân (dịch theo «liệt-nội địa dư» sách viết của trường Báo cổ số 1154, tờ 39 và 40).

lại trừ là má, thường hình dung theo kiểu tranh của Tống Huệ Tông.

Tương truyền năm 1118, Tống Huệ Tông bảo đạo-sĩ Lâm Linh-Tổ triệu thỉnh Trần-vũ. Đang trưa, trong cung làm lễ thì tự-nhiên giới tối lại, sấm chớp loè lên, một con rắn và một con rùa lớn hiện ra, Huệ Tông quý xống dàng hương, xin Trần-vũ hiện thành người, thì lại có tiếng sấm; rắn rùa biến mất, thấy một chân người rất lớn ở cửa cung, Huệ Tông lại quý, xin Trần-vũ hiện cho cả người. Bấy giờ thấy một người cao hơn 10 bộ (một bộ năm thước tào), mặt nghiêm trang, có hào quang trên đầu, sỏ tóc sau lưng, chân đi đất; mặc áo thâm rộng tay, dài quét đất, trùm áo giáp bằng vàng, đai ngọc, tay cầm kiếm đứng một lúc rồi đến mặt Tống Huệ Tông là một tay vẽ khéo, vẽ ngay tranh Trần-vũ, từ bấy giờ ni tạc hình Trần-vũ cũng bắt chước bức tranh của Huệ Tông. Có lẽ vì Trần-vũ hiện ra người to lớn, nên tạc tượng cao lớn như thế.

Còn đến rùa và rắn thì sách Tàu giảng mỗi thuyết một khác. Quyền thì cho là hai vị quan hầu Trần-vũ, quyền thì cho là hai

quỷ-sứ Trần-vũ bắt được. Chính ra rùa và rắn là hình Trần-vũ, người ta đã thấy tạc ra từ đời Hán, tức là trước khi Trần-vũ hiện ra hình người. Ở những ngôi mộ vẽ thế-kỷ thứ hai thấy những hình rắn và rùa, đặt ở phía bắc trong mộ, đối với con chim đỏ biểu hiệu phía nam, lỗ trắng biểu hiệu phía tây, rồng xanh biểu hiệu phía đông (lược dịch (Mythologie asiatique, tr. 317-318).

Theo chữ nhỏ, thì Huyền-vũ là con rắn, Chu-tước là con chim đỏ, Bạch-hồ là con hồ trắng, Thanh-long là con sông xanh; đều là tên sao ở sách thiên-án và sách thuật-số của Tàu. Mỗi phương dùng một sắc: Bạch-hồ là sắc trắng ở phương tây, Chu-tước là sắc đỏ ở phương nam, Thanh-long là sắc xanh ở phương đông. Còn Huyền-vũ là sắc đen ở phương bắc, thì ít ai đề ý đến, nên không biết tại sao lại làm con rắn với con rùa ở dưới chân đức Trần-vũ. Hiện nay ở Bắc-kỷ có hai pho tượng Trần-vũ đúc bằng đồng, to lớn hơn hết: một pho ở đền Quán Thánh Hà-nội, một pho ở làng Ngọc-tri, tổng Cự-linh, phủ Gia lâm, tỉnh Bắc-ninh.

Tượng Trần-vũ ở Hà-nội cao bảy thước bảy mươi hai phân, chu-vi tăng dưới tám thước lấy (sách ta chép cao 8 thước 2 tấc, chu-vi 8 thước 7 tấc), đúc bằng đồng đen theo khuôn của Tàu, để thay vào pho tượng gỗ tạc từ thế-kỷ mười một, nặng bốn nghìn cân tạ, (sách ta chép nặng 6 800 cân tạ), trông không lấy gì làm tinh-xiêu (sách ta lại chép thế là khéo, chữ là vẽ đẹp mỗi thời một khác), xe ngựa hình như cỗ cỗ vá, chỉ có rùa, rắn và thanh gươm là khéo, cả đến tượng người thợ đúc bảy trong đền Hà-nội còn có vẻ linh-dộng hơn (G. Dumoutier, *Le Grand Bouddha de Hanoi*).

Tây Quán-Thánh là đền thờ chung của cả nước, nhưng làm ở địa-phận làng Tây-Khuê, nên làng Tây-Khuê cũng được một phần quyền lợi. Vị thần-hoàng riêng của làng ấy, là đức Linh-lang. Sự không chép đến, chỉ có Hà-nội địa-dư (sách viết bằng chữ nhỏ của trường Bắc-cổ, số A-1150, tờ 24 b) chép rằng: « Đền chính ở làng Thủ-lệ, làm từ đời Lý Thái-tống (1028-1054). Tương truyền Vua Lý Thái-tống đi chơi Đàm-dâm (Hồ tây) thấy người con gái đang định lựa, trèo vào cầu, rồi có hai mươi bốn nàng, sinh một con trai,

Đã có bản :

SỬ KÝ TU NIÃ THIÊN

Bản dịch của NHƯNG TỐNG

Sách dày trên 400 trang, khổ cộng in toàn trên giấy trắng (blanc art) — Giá 16 \$ 00

VIỆT NAM PHÁT GIAO SỬ LƯỢC

của MẬT-THÈ (giáo sư trường Sư Môn Phật-học Huế) — Tựa của TRẦN-VĂN-GIÁP (trưởng Viện

Đông bắc cổ Hanoi) — Sách dày 300 trang in trên giấy trắng — Giá 11 \$ 50

Cùng một loạt đã phát hành : NGHÌN LỄ MỘT NGÀY (Mật quyển truyện bộ)

Bản dịch của MAI KHÁNH — Giá 5 \$ 60

Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

tám tuổi không biết nói. Chợt gặp năm đại-hạn, người con trai ấy tự-nhiên bảo người dân anh trong làng « đem yết kiến vua cha để làm mưa »; vua cho triệu người mẹ hỏi duyên cớ. Người mẹ tả lý do thực tình. Sau khi làm mưa, vua truyền nôi ở trong cung. Đứng ở lâu người con trai ấy lên đầu, ba tháng không áp, nổi đầu đen xi, chữa thuốc pao cũng không khỏi. Vua phân rằng: « Nếu không phải con ta, thì đi đâu thì đi, đừng làm khổ thuốc ». Người con trai thưa rằng: « Tôi không phải con vua cha, mượn cửa ngài đã bấy lâu, nay nên đi, nhưng xin làm cho một cái nhà ở chỗ tôi đi ». Vua y cho, người con trai lại xin, đuổi tất cả các người xung quanh, chỉ buồng một cái mùng, nằm ở trong, độ hơn canh một, hóa con rồng vàng (?), cuối gió đến Lỗ Liễn-ty (thần-tích làng, Thủy-khuê xã) là rồng đen, và chui hồ Linh-lang tức Hồ Tây, nằm ở trên cây, rồi bỏ xuống nước đi mất (?). Vua sai lập miếu thờ, nhà lấy hai

cử « Linh-lang » làm tên búi sắc phong làm Hoàng-tổ tức linh đại-vương.

Xưa nay chỉ biết Hồ Tây là Lăng bạc, là Đầm đầm, còn tên Đ. á-Lỗ cũng ít người biết. Nay xem thần-tích làng Thủy lại còn tên là Hồ Linh-lang nữa.

Bài Tung tây-hồ của Chương-lĩnh-Lập có câu: « Chày Yên-thái nện trong sương chen-cac-gaz, lướt Ngưu làm ngăn ngọn nước quanh-co ». Yên-thái tên hôm là làng Bưởi, có nghề làm giấy, sáng sớm tinh sương, đã già dó để làm bột giấy, nên có chữ « nện trong sương ». Làng Yên-thái thờ hai vợ chồng người bán dầu, đến thờ có tên ở Hanoi địa-dư (bản sao của trường Bắc-cổ số A 1154, tờ 43 a và b): « Tương-truyền Vũ Phục tên tự là Phúc-thiện, người xã Minh-cáo tức Minh-tảo, làm nghề bán dầu. (Thần-tích làng Yên-bái, Ba-án, Thọ thôn, Ngưu đò, đều chép Vũ-Fục là người Cầu Phong, nhập-tiên làng Minh-tảo, lấy Đỗ-ti-Thuận người làng Minh-tảo làm vợ). Nguyên vua Lý Nhân-tông (1072-1127) đau mắt, thầy thuốc chữa mãi không khỏi, ông ở núi Vân-mộng (thần-tích chép là ở xã Vân-mộng), ở huyện Kim-bàng có người giỏi bói độn, đến xem, thì thầy bói đoán rằng: « Trong quốc có tượng Vua, Đế-bà đóng Kinh-lô ở đây, bị quỷ ở phương cần tiất xuyên vào, nên đau mắt; nếu trấn áp được, thì không việc gì ». Vua sai người tới ngã ba sông, bày đàn khấn Hà-bà trên sông, nửa đêm mộng thấy vị thần bảo rằng: « Đến sáng sớm (ngày mồng), có người đến bên trước tiên, xem người ấy muốn gì thì cho nấy,

rồi thả ra sông, phong là n thần, lập miếu thờ, thì ông thầy được ». Sư giả gọi mình linh đày, về tâu, Vua sai người đóng ngày đại-dã. Quả nhiên mới mồng mồng hôm ấy, đã thấy vợ chồng Vũ-Pục gánh dầu từ làng Minh-tảo đến, sư giả đón lại, cho người chạy về tâu vua, vua nói: « Ý theo lời thần, nên lấy ý hiệu-dự, không nên bắt ép ». Sư giả bèn kê hốt nguyên-ủy cho vợ chồng Vũ-Phục nghe, rồi an ủi rằng: « Làm người ai cũng phải chết, nên để phong về sau ». Vũ-Pục bằng lòng, sư giả hỏi muốn gì, Vũ-Phục đòi năm sởi với con gái mái báo; vợ chồng ăn uống, ngựa lên trời khấn rằng: « Vợ chồng tôi bỏ mình để giúp nước, Hoàng-thần có biết, xin xoi xét cho », nói rồi, nhảy xuống sông. Từ lúc ấy nước sông im lặng, không sôi nổi như trước, bệnh đau mắt của Vua Lý cũng khỏi (?). Vua truyền dựng đền thờ ngay chỗ ấy, phong làm Chiêu ứng phù-vận đại-vương, vợ làm Tiễn-chính phương-dung công-chúa. Hiện nay làng Minh-tảo lấy còn cái ngõ gọi là ngõ hàng dầu ».

Xem như sự tích trên này, thì có lẽ hai tác lấy người sống đời cùng tằm ở nước ta hãy còn mãi đến tận thế-lý thứ mười hai!

Lần, Hồ khẩu cũng ở một bên Hồ-Tây (có lẽ cửa hồ ngày xưa ở đây, nên gọi là Hồ-khẩu), vùng chung tên hôm là làng Bưởi Lang này thờ ba vị thành-hoàng: hai vị dương thần và một vị âm thần. Sự tích hai dương thần như sau đây: « Về đời Lạc-vương thời mười tám (khoảng năm 343-258 trước T. C.), ở châu Đổ (ở b), (Xem tiếp tra 9/18)

ĐANG IN LẦN THỨ 2:

LAM BẾP GIỎI

Sách giấy hơn 300 trang
Có thêm nhiều bài mới lạ
In có hạn, Xin trả tiền
trước. Không gửi lĩnh hóa
giáo ngân.

Giá 10: cước phí 1\$
Nhà xuất bản Phụ-Nữ
phát hành. Thư và mandat
để cho:

BÀ ĐÀO THỊ MINH

118 Daullier - Hanoi

ĐẠI NAM DẬT SỰ

33 49

Ung-học NGUYỄN-VAN-TO

XXXI. — Lê - Hoàn (bái nối)

Sau khi sứ tàu là Tống-Cảo trở về: Lê-Hoàn sai Đào-Cần đem phương - vật sang bái, vào tháng hai năm tân-mão (931).

Cách năm sau nữa (933) Vua Tống sai Vương Thố-Tả và Lý Cư-Giản đem chiếu thư sách phong Lê-Hoàn làm « Tỉnh hải-quân tiết-độ - sứ Giao-chỉ quận-vương ». Lúc bấy giờ Lê-Hoàn sai sứ sang cống và gửi tờ biểu của Đinh Toàn nhường ngôi. Nhưng vì Tôn Toàn-Hung thua trận nên vua Tống không dám hạch như trước, cứ phải y theo (Khâm định Việt-sử, q. 1, tờ 28 b-29 a).

Thông-giám cương-mục, tục-biến, (sách Tàu, q. 1, tờ 14 a) chép rằng: « Năm thứ 4 hiệu Thuận-hóa (993), Lê-Hoàn ở Giao châu sang cống, ban chiếu phong làm « Giao-chỉ quận-vương ». Phát-minh bàn rằng: « Ngôi thiên-tử sở dĩ quý, là vâng theo mệnh giới, đánh giết kẻ-loạn nghịch. Đắt Giao-châu là của họ Đinh chiếm cứ, vào năm thứ 6 hiệu Khai-bảo (973) Đinh-Liên sang cống, được phong tước vương, thế thì con cháu nối giới, tức là chính lễ. Đinh-Liên đã mất, em là Đinh-Toàn nối ngôi, bộ-tướng là Lê-Hoàn ăn hiếp vua, truỵt việc nước, thật là loạn-thần tặc-tử đối với vương-pháp không thể tha thứ được. Nay nhân sang cống, mà được phong vương, thế thì trước vương (của Lê-Hoàn) ở Giao-chỉ, có thể lấy thế-lực mà được, không phải lấy tình-nghĩa mà nhận. Nếu bây giờ Lê-Hoàn cũng bắt chước mà làm vậy, thì làm thế nào mà trị nổi? Ôi! việc binh phạt không

thi-hành, thì răn sao được loạn-thần tặc-tử? Sách Cương mục (Tàu) trên chép « Lê-Hoàn sang cống », dưới chép « phong làm tước vương », thế là cả trung-quốc và ngoại-biên, hai bên đều chỉ biết lợi, chứ không biết nghĩa. Vậy thì làm sao mà tỏ-rõ được công đạo? ».

Tác-giả Phát-minh quên rằng: Giao-châu lúc ấy đúng, như lời Hầu-phân-Bảo và Lư-đa-Tồn tâu với vua Tống rằng: « Kể kia nội loạn có thể lấy được » vì Đinh-Tiên-hoàng bị giết, Đinh-Toàn thì còn bé, mà quân Tống đã đến tận Lạng-sơn! Nếu không có Lê-Hàn đứng lên để chống cự quân Tống, thì còn gì là nước nữa? Vậy ta là người Nam nên nhớ công Lê-Hoàn là một người đã đánh đuổi quân Tống ra khỏi bờ cõi, lời bàn của Phát-minh thế là thiên vị.

Đến năm sau (994) Lê - Hoàn « sai nhà hiệu Phỉ sùng Đức đem phương vật sang Tàu để bái » (Khâm định Việt-sử, q. 1, tờ 30 a)

Sang năm sau (995) Lê - Hoàn « lại sai sứ sang Tàu để thông hiếu. Lúc ấy nhà Tống thì sợ việc đánh nhau, mà Lê-Hoàn thì cậy có núi bệ niềm trở, nhân thả cho bọn dân ở biên cương, sang xâm lấn và ăn cướp ở biên giới Tàu. Mùa xuân năm Ấy, chức chuyển vận-sứ ở lộ Quảng-tây là Trương Quan và chức binh-mã giám-áp ở trấn Như-hồng (thuộc Knâm-châu là Vệ - chiêu - Mỹ, đều tâu: « Giao-chỉ có hơn trăm thuyền chiến vào cướp trấn Như - hồng, hiếp nhân dân, cướp kho tàng, rồi

đi. Mùa hè năm Ấy, Châu-tô-Mậu của ta lại đem năm nghìn hương binh vào lấn châu-Ứng của Tống, bị chức đô-tuần-kiếm la Dương-văn-Kiệt đánh đuổi, phải về. Ý vua Tống cốt cho yên ổn không muốn động binh nên không hỏi đến. Trương - Quan lại nói dối là Lê-Hoàn bị họ Đinh đuổi, nên thu nhặt những quân cẩu sống sót, ở chỗ hải-đảo, cướp bóc để nuôi thân, nay Lê-Hoàn đã mất. Vua Tống sai thái-thường-thừa là Trần-sĩ-Long làm phỏng-thái-sứ để dò xem hư thực thế nào, thì ra Lê-Hoàn không việc gì cả », khác hẳn lời Trương - Quan, tâu vua Tàu. Đến mùa Xuân năm sau (996) triều-dinh tàu bắt tội bọn Trương-Quan, Quan bị beah chết, chém Vệ-chiêu-Mỹ ở trấn Như-hồng, cho Trần Nghiêu-tàu làm chức chuyển-vận-sứ ở Quảng-tây, sai Hải-khang-úy là Lý-kiến-Trung đem chiếu-thư đến cho. Nguyên trước đây ở Trào-dương (nay Quảng - yên) là bọn Văn Dũng làm loạn giết người, rồi chốn sang trấn Như - tích ở châu Khâm bên Tàu, trấn-tướng là Hoàng-lệnh-Đức chứa bọn dân ấy. Trấn-tướng ở Trào-dương là Hoàng-thành-Nhã theo bắt, Lệnh-Đức không giã lại; nay Trần nghiêu-Tàu đến Như tích dò hỏi biết rõ nguyên do chưa chấp, đem hết kẻ này dân đến chốn được một trăm mười ba người vừa già vừa trẻ vừa con gái con gái, gọi Hoàng thành Nhã giao giã tất cả. Lê-Hoàn cảm ơn nhà Tống về việc ấy, sai sứ sang nhà Tống tạ ơn, bắt được hai mươi bảy người Dân (tức là dân thuyền chài, lấy thuyền làm nhà, coi nước như cạn) không hiệu-tiếng Tàu, đưa chức Chuyển-vận-sứ Quảng-tây, và hỏi là đã bắt được giặc hề, xin nộp trả lại từ

bấy giờ không thấy động binh nữa. (Đại-Việt sử-ký toàn thư, q. 1, tờ 21 b đến 22 b).

Cùng trong năm ấy (995), « nhà Tống lại sai Lý-nhược-Chuyết đem chiếu-thư và đai ngọc sang phong Lê-Hoàn. Khi Chuyết đến nơi, Lê-Hoàn ra cỡi đón, không đáp lễ, đề tỏ mình là cao-dĩ, rồi thông thả hỏi Nhược-Chuyết rằng: « Ngày xưa cướp ở như hồng là giặc bề ở ngoài cõi. Hoàng-đế đã biết không phải là quân Giao-châu chưa? Giá sử phải quân châu Giao, thì trước đánh Phiên-ngung, rồi đánh đến Mân-Việt, há chỉ trấn Như-hồng mà thôi? » Nhược-Chuyết nói rằng: « Túc-bạ từ chức nha-tướng đến chức tiết-ville, đều sung kính lễ phép, chắc không có ý gì khác. Nhưng các đại-thần đều cho là giặc bề gây loạn, châu Giao không thể trị nổi, xin đem quân hợp lại đánh dẹp, đề tuyệt hậu-hoạn, Hoàng-đế nghĩ rằng dân Giao-châu trong khi không ngờ, mà thấy cử-dự triều đình, chắc là sợ hãi, cho nên chưa hợp binh với ».

Lê-Hoàn ngạc nhiên nói rằng: « Gặp bề xâm phạm biên-cương, là lỗi của thủ-thần, từ nay xin-kính theo đức hóa-triều-đình, đề quốc thanh bụi bề ». Nói xong, tạ lỗi. (Khâm-định Việt-sử, q. 1, tờ 31 b và 32 a).

Đến năm định-dậu (997) Tống Thái-tông mất, « Chân-tông nối ngôi, gia phong Lê-Hoàn làm Nam-bình-vương. Lê-Hoàn sai sứ sang Tàu. Nguyên trước kia, mỗi khi sứ Tàu đến, thường có lệ cống nước mắm, (chỗ này cả Đại-Việt sử-ký toàn-thư và Khâm-định Việt-sử (q. 1, tờ 32b) đều chép: « ...dĩ cống hàm vi từ » nghĩa là lấy có phải cống nước mắm. Đến quyển Văn-hiến thông-khảo (q. 330, tờ 31b) chép: « ...dĩ

cống phủ vi từ » nghĩa là « lấy có phải cống ». Ta nên theo sách Tàu phải hơn), nhân thu thuế nhiều đóng góp nặng. Đến đây (997) Chân-tông nghe tiếng, chỉ cho triệu một người cương-lai (chức quan giữ bờ cõi) đến nhận chiếu-sắc mà thôi, chứ không sai riêng sứ bộ như trước. (Đại-Việt sử-ký toàn thư q. 1, tờ 22b)

Cùng trong năm ấy, Chiêm-thành ăn cướp ngoài biển, Lê-Hoàn đánh đuổi đợ, rồi đem phương vật sang hiếu nhà Tống, và gửi tờ biểu, đại-lược nói rằng: « Giao-châu cõi giáp Chiêm-thành, hai ba năm nay các bộ làng giềng oán động, cướp thuế những làng gần, lấn những dân bên giới, thường phải dùng xiào móc, mới đánh lại đợc kẻ kia. Nay đến triều cống, là nhờ đức-hóa triều-đình ». Vua Tống tru-đãi, rồi ban cho đai ngọc cùng ngựa và áo giáp. (Khâm-định Việt-sử, q. 1, tờ 33a).

Đến năm Giáp-thìn (1004) Lê-Hoàn « sai Hành-quân-Vương là Minh-Đề xưng nuếp Hoan-châu thứ-sử sang sứ nhà Tống. Minh-đề lên Biện-Kinh, khấu cầu ân mệnh. Vua Tống y theo, vời vào tiệp-điện, yên ủi hỏi báo, ban cho rất hậu rồi phong cho Minh-đề làm Kim-lữ Vinh-tộ: đại-phu, Kiểm-hiệu hải-dự Hoan-châu thứ-sử » (Đại-Việt sử-ký toàn-thư q. 1, tờ 24b)

Đây là chép những công-việc nước ta giao-uep với Tàu trong đời Lê-Hoàn. Có nhà là n sứ khen Lê-Hoàn rằng: « Đủ Tiên hoàng đã mất, vệ vương Toàn còn bé dại. Hầu Nhân-Bảo sang Nam cũng toàn nêu cột đồng của mã Paur-ba, cái giải đất nóng cháy-mây hun-dá này, có cầu gì mưa Nghiêu mây Tầu-dá? Lê Đại-Hành là chức thập-dạo tướng

Một buổi nói chuyện

Chủ nhật 26-11-44 hồi 21 giờ, tại Bình-Dinh Thanh-Niên Thư-Viện 16 Rue des Etoffes Hanoi (sau chùa Thái Cam) sẽ có một cuộc nói chuyện về « ĐỌC SÁCH ».

Đến giả là ông Tiến-Đàm Ng - Tường - Phương Chủ-nhiệm báo Tri-Tân.

Vào cửa có thiệp mời.

B. D. T. N. T. V.

quân tay ngồi nhà Đợ để chững nhau vì quân Tống, một trận ở Chi-lăng, mà Nhân-Bảo bị bắt, quốc-dân ta bấy giờ khổ, phải cái khổ Tô Diên, Tiêu Tư, mà Đinh-Toàn cũng khổ phải làm người kết ở ngậm vành như Phụng An, Lý Phạ tử Đại-Hành thực là có công đợ với đất ta, mà đối với nhà Đợ cũng không phụ gì » (Đại-Việt sử-ký đại-lược Bản s o của trường Bạc cổ số A 1146 tờ 76 b và 77 a).

Về việc Chiêm-thành và việc dẹp giặc cỏ trong nước, sử ta chép như sau này:

Năm giáp-ngọ (994) vua Chăm sai Chử-Đông sang dâng phương vật, Lê-Hoàn trách là vi-lễ, vua Chăm sợ, sai châu nói là Cốt-ca sang châu (Khâm-định Việt-sử, q. 1, tờ 30 a) Thế là đối với nước ngoài, còn trong nước, thì năm 989 có Dương-tiến-Lộc làm phản. Nguyên « quận-giáp là Dương-tiến-Lộc vâng mệnh đi thu thuế hầu Hoan-châu Ái, nhân đem nhà-đan hai châu làm loạn, phụ với Chiêm-thành, người Chiêm không nhận, Lê-Hoàn đem các quân đi bắt được Dương-tiến-Lộc, giết chết; gớt người hai châu không bắt bao nhiêu mà kể » (Khâm-định Việt-sử, q. 1, 24 a và 24 b).

(Xem tiếp trang 16)

Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

86 72

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỬ

CXXXV. — Kim Văn Kiều
(bản tốt)

Quyển Kiều quốc - ngữ của ông Vĩnh do Hội Alexandre de Rhodes in năm 1943 (tr. 635) và phương-bản của Quan văn-dương (tờ 83 a) đều chép: « Tờ quan theo với vệt-vàng Thì đã dăm ngọc chằm hương cho rồi ». Kinh-bản của cụ Kiều-oánh-Mậu (Đoạn trường tân thanh, tờ 66 b) và bản Kiều cũ của ông Vĩnh in năm 1920, tr. 164) in là « dăm ngọc chằm hương quá rồi ».

— Đến câu dưới, kinh-bản, phương-bản, Vương Kim diễn tự (sách của Bá - độ, tờ 75 a) và quốc-ngữ cũ chép là « Thương thay cũng một kiếp người ». Quốc-ngữ mới và Kim Văn Kiều chú (sách của Bác-cổ số AB 233 - 3, tờ 29 a) chép là « Thương thay cũng một kiếp người ».

— Các bản đều viết « Hay thay man, lấy sách làm chi ? ». Duy phương-bản chép là « Kéo ay ».

— Quốc-ngữ mới (tr. 638), kinh-bản và Vương Kim diễn tự chép là « Người nào hiểu nghĩa đủ đường ? Kiếp sao rặt những đoạn trường thế nào ? ». Quốc-ngữ cũ (tr. 165) và phương-bản chép là « Kiếp sao chịu những đoạn trường thế nào ? ».

— Quốc - ngữ mới (tr. 639), phương-bản, Kim Văn Kiều chú chép là « Có trời mà cũng tại ta. Tự là đời phải, tích là đây oan ». Kinh bản và Vương Kim diễn tự chép « Tại trời mà cũng tại ta ». Quốc ngữ cũ (tr. 165) chép « Có trời mà cũng có tại ».

— Các bản đều viết « Hết hạn ấy, đến nạn lửa, Thanh lâu tại

lượt, thanh y hai lần ». Một lần ở nhà mẹ Hoạn thư, và một lần ở nhà Hoạn - thư, tức là « thanh-y hai lần », Kinh bản chép là « thanh y một lần », dịch ở câu chữ nhỏ « yên-hoa trái-khò thụ lưỡng phiên, thanh-y tội-thâm kinh nhất án », nghĩa là « hai phen trả nợ yên-hoa, có án tội nặng thanh - y » : đây là lối văn chữ nhỏ đối như thế, không thể viện chữ « nhất » gọi là « một » được. Đã dịch rồi ở đây.

— Các bản in đều viết : « Giữa vòng giáo dục gương trời, hề rặng hùm sói, từ thân tôi-dò ». Hai bản quốc-ngữ viết là « Kể tung hùm sói ». Các bản nôm viết chữ « xỉ » bằng chữ « lạng », bị đọc là « rặng », chữ không phải « lạng ». Câu ấy lại đối với câu dưới, là « Giữa dòng nước chảy sóng gồi, Trưôc hăm rặng cá gieo mờ vắng tanh ». Ba chữ « rặng hùm sói » đối với ba chữ « hăm rặng cá ». Còn chữ « vắng tanh » mà kinh-bản và quốc ngữ cũ (tr. 166) viết là « hũy tạnh » thì không phải, vì thơ Đỗ Phủ có câu : « Ngư long tịch - mịch thụ giảng lãnh » ; nghĩa là « cá rồng vắng-vẽ, sóng lâu lạnh » ; lấy chữ « vắng tanh » phải hơn.

— Phương-bản chép là « Đản trau lập mãi thảo đường. Một giao nước biếc mây vàng chia đôi ». Quốc-ngữ cũ (tr. 167) và Kim Văn Kiều chú chép là « Đánh tranh lập tức thảo đường ». Quốc-ngữ mới (tr. 617), chép là « Đản trau chum nỏ thảo đường ».

— Hai bản quốc-ngữ và phương-bản chép là « Một lòng chờ đợi quân mây hồng ». Khiêu thấy gặp gỡ cũng

trong « chầy vãn ». Kinh - bản và Vương Kim diễn tự chép là « Một lòng xa quân mã công ».

— Các bản nôm đều viết « Kiều từ gieo xuống doanh ngàn, Nước xuôi bóng đã trôi dần tận nơi ». Hai bản quốc-ngữ viết chữ « dòng ngàn » thì không hay bằng chữ « doanh ».

— Các bản nôm viết « Giã duyên nhưn thật mặt nắng, Nắng còn thêm - tiếp giã vàng chưa phai ». Hai bản quốc-ngữ viết là « Giã-duyên nhưn thật mặt nắng » ; chữ « nhưn » mới xấp xỉ, viết nôm « mục » bằng chữ « nể », thường nhầm với chữ « nhậ », « ngôn » bằng chữ « nể ».

— Hai bản quốc-ngữ và phương-bản chép rằng : « Cái sao Chapman mong đợi đây ? Kiếp xưa đã vạc lòng này để ai ! Tấm chân đã thấu đến Trời, Bản minh là hiểu, còn người là nhân ». Kinh-bản và Vương Kim diễn tự chép « Kiếp xưa đã vạc, kiếp này để ai ! Tấm lòng đã thấu đến rồi ».

— Quốc - ngữ cũ (tr. 163) và kinh-bản viết « Còn nhiều hương thụ về lâu, Duyên xưa tròn - trắn, phúc sau đôi - dào ». Phương-bản chép là « Còn nhiều hương thụ về sau, Duyên xưa đầy đặn phủ lâu đôi - dào ». Quốc - ngữ mới (tr. 653) cũng chép thế, chỉ khác chữ « phúc sau đôi-dào », nhưng trùng hai chữ « sau ».

Đôi - hiểu với bản Đính chính thì chữ « ở » ở « Ở » Thanh-tâm tài-nuật chép như sau đây.

« Sau khi Tây-Kiều thấy sống sông Tiền-dương » Văn bản từ-trường với vàng chữ không kịp các quân họ đều giật mình dậy

ra. Lúc ấy người chánh-trưởng coi thủy-triều, đứng không yên, sai người đi tìm vớt. Mãi đến sáng ngày, chỉ thấy một bài thơ từ thế đem đến trịnh đóc-phủ, đóc-phủ rất lấy làm hối-hận, nhưng đã muộn rồi, chỉ còn việc sức các địa phương hề thấy từ - thì chỗ nào thì cho mai táng. Việc ấy tạm gác không nói đến.

Hãy nói về việc Giác - duyên từ khi cáo-biệt Thủy-Kiều ở Lâm-tại, vân du đất Việt, đến thăm Tam-Hợp đạo-cổ, học phép tu luyện, nhân nhớ câu Thủy-Kiều nhờ hỏi việc chung thân (tức câu: Họa bao giờ có gặp người, vì tôi cậy lời một lời chung thân). Gặp khi Đạo-cổ thông-thất, giác-duyên hỏi rằng: « Vương Thủy-Kiều cùng đệ-tử phó-cụ-tình, không biết nhân - duyên tằm thế nào, mà bị phải áp - báo như thế? » Tam-Hợp đạo - cổ nói rằng: « Đại phạm người ta sinh ở trên đời, được phúc là bởi tu đức, bị khổ là vì tình ái, Thủy-Kiều vì tình ái mà thành khổ-cảnh, cho nên cái nơi nhà vàng, thì không được ở lâu, mà cái chỗ đoạn-trường, thì mau mau được đến, hai phen giã nợ gần-hoa, có án thanh-y tội nặng, ở lẫn với binh đao, là ma-quân của hồ-bảo, rồi chìm trong sóng gió, thường ăn ngủ với mưa - lạnh, phải thế mới hết được số kiếp ». Giác-duyên thất kinh, nói rằng: « Nếu thấy dạy như thế, thì Thủy-Kiều xong đời rồi ». Tam-Hợp đạo - cổ nói: « Nhà người, giờ hoảng sợ, may mà bây giờ đầu mới vì tình mê, không phạm đến loạn, sau gặp khổ nạn, thuận là hiểu tâm, nay lại không vì ơn nhỏ, mà trọng đại ngất của triêu - đình, thì công - đức lớn mà nghiệp - ác cũng có thể tiêu được, rồi

sẽ nối được tân - duyên. Nhà người đã phó-cụ-tình với nhân, nên đợi ở sông Tền-duong, ấy là lúc kiếp-khở đã hết đây; đề sẵn một bè-từ mà cứu vớt, nối lại lời thề trước cho nhân, cũng là một việc làm phúc đây. » Giác-duyên nghe nói mừng lắm, thưa rằng: « Đệ-tử xin tuân lời dạy, nhưng không biết đến bao giờ nối được tân-nguyên của nhân? ». Tam-Hợp đạo-cổ nói: « Việc ấy nhà người bất-lắt tìm nhân, tự nhiên nhân tìm đến ». Giác-duyên nghe lời, rồi đến bên sông Tền-duong, làm một cái am gọi là « Vân-thủy am » để ở, mua một cái thuyền nhỏ để đánh cá, và mua giấy tờ mộc làm một cái trói, lại thuê hai người thuyền chài, tự mình trông nom đi đánh lưới suốt ngày đêm. Đêm hôm ấy Thủy-Kiều nhẩy xuống sông, vừa hay nhẩy vào trong lưới của Giác-duyên, hai người thuyền chài, cũng có lòng cứu người, thấy có người nhẩy vào trong lưới, liền vội vàng đứng dậy kéo lên, thuyền đánh cá theo sông và nước chảy đã trôi đi vài dặm đến chỗ Giác-duyên. Giác-duyên bảo mở lưới đem Thủy-Kiều ra, thay hết quần áo ướt. Lúc ấy Thủy-Kiều nằm lăn ở trong thuyền: còn bốn mê chưa tỉnh, mơ màng thấy Lưu Đạm-Tiên đến, nói rằng: « Em chờ em ở đây đã lâu. Không ngờ em vì bán mình cứu cha, lòng hiếu cảm động đến trời, khiến được quý-thuận đề cứu sinh dân, lòng rung động đến mặt trời. Thôi, những cảnh khổ ở vầy về trước, đã trút sạch rồi, ngay nay đã tiêu hết kiếp khổ. Từ đây đời, phúc lộc hoàn toàn, lạc duyên như ý. Số đoạn-trường hôm nay đã xóa tận, thơ đoạn-trường nay xin

giã lại, ... » Rồi đem những bài thơ Thủy-Kiều làm ngày xưa, đưa cho Thủy-Kiều, Thủy-Kiều định hỏi Đạm-Tiên, thì chợt bên tai có tiếng người gọi « Trạc-tuyền, Trạc-tuyền! » Thủy-Kiều mở bừng mắt dậy, thấy Giác-duyên ngồi bên mình, nhân hỏi rằng: « Thiếp đã đeo mình xuống sông chết rồi kia mà, sao lại gặp đạo - huynh ở đây? hay là chiêm bao? » Giác-duyên thấy Thủy-Kiều đã tỉnh, mừng rỡ nói rằng: « Em không phải nghi hoặc gì nữa, em nhẩy xuống sông chỉ cứu lên đây ». Thủy-Kiều nghe rõ, mới ngồi dậy, nói rằng: « Em nhẩy xuống sông vì lúc ấy bức mình quá, làm sao sư huynh lại biết? » Giác-duyên nói: « Vì ngày trước em có cậy chỉ hỏi Sư Tam-hợp về việc chung thân, Sư Tam-hợp bảo rằng: em đã thoát khỏi kiếp đoạn-trường duyên sau lại gặp nối, cho nên bảo em đi đầu thuyền ở đây chờ cứu em ». Thủy-Kiều nói: « Nếu thế thì sư-huỳnh là tái-sinh phụ mẫu của thiếp. Chỉ hôm vì một cái thuyền nhỏ như thế này, thì làm sao mà ăn thân? Kệ rằng đóc-phủ thừa biết, thì làm thế nào? » Giác-duyên nói: « Em chờ lo, em đã làm sẵn một cái am ở bên sông, để làm nơi ăn thân cho em ». Nói xong liền gọi người thuyền chài đương đêm đẩy thuyền đến trước am, dắt Thủy-Kiều vào ở trong am, không để cho một người nào biết đến. Chính là lúc lòng tựa chìm sâu đáy, thân như hoa lại nở: việc ấy thế nào hỏi sau sẽ rõ.

(Còn nữa)

Ưng học NGUYỄN-VĂN-TỐ

CUỘC TRUNG BẦY TRANH PHẬT

của Hoa-sĩ CÔNG-VĂN-TRUNG

của Biệt-lam TRẦN-HUY-BÁ

Xem các họa phẩm về tôn-giáo của họa sĩ Công-văn-Trung trưng bày ở viện Bảo tàng Louis-Finot vừa rồi, ta nhận thấy họa-sĩ Trung đã tự tạo lấy một lối vẽ riêng, ấy là lối vẽ thuộc nước lên trên một thứ giấy dó của ta, mà các tác phẩm thuộc đều bằng nội-hóa. Thế đủ chứng rằng họa-sĩ Trung, đã hết sức tập tành các cái cần dùng, trong lúc khó-khăn, thiếu-thốn này.

Họa sĩ Trung lại đã trưng bày các tranh họa về Tôn-giáo rất có ý nghĩa mà từ trước đến nay chưa từng có. Họa sĩ đã vận dụng tài nghệ mình để nâng cao cái tinh-thần mỹ-thuật về tôn-giáo của đất nước.

Xét kỹ các bức tranh đó, ta có thể tự hào rằng nền mỹ-thuật điêu-khắc của xứ ta đã tiến tới một trình-độ khá cao. Từ mấy thế-kỷ nay, nó vẫn bị chìm đắm ở các nơi cổ-tự điều-điều, nay họa-sĩ Trung nỗ lực, khéo chọn lấy những cái sở trường của nó, đề tồ-đề cho thành tựu g bức tranh tuyệt-mỹ. Thực là một kỷ nguyên mới trong làng mỹ thuật xứ này vậy.

Đạo Phật du-nập nước ta, trải từ Lý, Trần, đã ngót một ngàn năm. Quố-dân sùng ngưỡng, đã hầu được coi như một tôn giáo chính của Quốc gia, nên những tự-diện, tháp-dài trải qua nhiều cuộc rừng-tu về kiến-trúc; những phật-tượng, tự-khí đã tăng lắm phen cái-cách

về điêu khắc. Nay những tinh-tủy ấy, những mỹ-thuật ấy, nó chỉ còn lổ loi rải rác, mỗi nơi một vài thứ. Nếu nay có người đem công-nhật lượm mà gom góp lại, đề quốc-dân liện bề nhận xét, thì cũng không khác gì về phương-diện văn-chương, hay khoa-học khác, đã được nhiều người sưu-tầm lọc-lối. Vậy há không phải cùng một ý đó mà họa-sĩ Trung đã thực hiện trong cuộc trưng bày về tranh tôn-giáo như thế này sao? Có lẽ vì những cơ-khế trên, nên cuộc trưng bày tranh phật của họa-sĩ Trung được nhiều người chú ý.

Về cách xếp-lặt, được viện Bác-cổ tán trợ, rất có thứ-tự. Mọi người xem cứ tuần-tự theo số bày mà nhận xét. Xem từ bức tượng Cửu-long, khi phật Thích-ca mới giáng-sinh, lớn lên, ra bốn cửa thành, rồi bỏ ngôi báu mà đi cầu đạo ở núi Tuyết-sơn, khi ngộ đạo rồi, thuyết pháp hàng phục được các Ma vương cho đến khi Phật nhập-nát-bàn, ta có thể hiểu được cả một cuộc đời của vị Giáo-chủ đáng tôn, đáng kính.

Nay xin hãy kể qua từng bức được nhiều người chú ý:

Bức tranh tượng Cửu-long ở chùa Hồng-phúc với những tôn rồng uốn éo, màu sắc dịu-dàng; coi về tôn-nghiêm mà huyền-bí, lại những vị Phật nhỏ bé từ-bi, ngự ở mình rồng đề chứng cuộc giáng-sinh của vị Giáo-chủ

chỉ lớn, một tay chỉ giới, một tay chỉ đất, nói câu: « Thiên thượng, địa-hạ, duy ngã độc tôn. » Thực là một bức vẽ rất công-phu. Mà về phương diện khảo cứu, bức này quả có giá-trị về tôn-giáo lắm.

Ba bức tranh Phật ra đời của thành ở chùa Hưng-ký (Tiếc rằng thiếu mất một bức nữa), Họa-sĩ đã khéo tò-mò bằng còn mắt mỹ-thuật, tả ra được cái chân tướng ưng-bưng, khi Phật hỏi người già về sinh, lão, bệnh, tử, là cái khổ não của loài người, ai cũng phải trải qua cái luật Thành, trụ, hoại, vong. Bức tranh ấy tuy nhỏ bé mà ở trong thu-nhật được bao nhiêu ý nghĩa.

Bức tranh Phật Thích-ca nhờ bốn vị thần, trốn ra ngoài thành, để đi cầu đạo, ở chùa Quảng-sứ với một ý-nghĩa huyền bí của tôn-giáo, ta có thể tìm thấy tấm lòng quả-quyết của một vị Thái-tử, lúc nào cũng chỉ định-ninh thoát tục để đi tu hành.

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

Bức tranh *Phật tu ở Tuyết-sơn*, ở chùa Tây-phương, Họa-sĩ khéo tìm ánh sáng, làm cho những gân guốc ở bộ xương gãy hốc-hác nổi lên, trong một lượt da mỏng phủ ngoài, thực đã lột được cái tinh-thần tận-tụy của một vị tồ quên ăn vì đạo, đến nỗi thân hình, gãy yếu, mà tinh thần vẫn quắc thước, sáng suốt, thần nhiên.

Bức tranh *Cầu đạo của một vị Đế-vương*, đã bỏ hết cái phú quý tôn vinh của ngai vàng, mà nép mình nằm dưới chân, làm ghế cho Phật, đủ tỏ ra được cái đặc điểm của một nhà chính-trị đã ngộ đạo một cách chân-thành.

Bức tranh *Quan-âm thiên thủ* ở chùa Yên-phụ thượng đã làm cho ta phải chú ý với những điệu bộ các cánh tay uyển chuyển của ngài, mỗi tay nắm một thứ ấn-quyết khác nhau, cùng những mặt Phật chông-chất tròn, nghiêng, coi rất nghiêm trang. Họa-sĩ đã khéo dung hòa với các màu-sắc, vàng son lóng lánh để tô-dềm với vẻ hào-quang.

Bức tranh *lạc đạo của cảnh âm-tý* ở chùa Hàm-long đã bày ra cho ta biết cái triết-lý huyền-ảo của đạo Phật về thuyết luân-hồi. Thực là một cảnh u-ảo, phải là các nhà Phật-học uyên thâm, mới có thể lĩnh-hội được hết cái tinh vi trong đó.

Bức tranh *Lá hán* ở chùa Tây-phương với vẻ mặt hơn hờ khi ngộ đạo, Họa-sĩ vẽ, trông nghiêng, nên đã lột được hết tinh-thần của một vị La-hán

đã ngộ đạo một cách sung sướng, nên chỉ hơn hờ vui cười

Bức tranh *Kim-cương* ở chùa Tây-phương, Họa-sĩ đã dùng những màu sắc rất êm - dịu để tả cái bộ nhung-y với dáng điệu tay nắm, mắt gườm cùng cặp môi mím lại, khiến cho các quỷ-sư Ma vương phải kinh-lợn, lá gờn dăm dáu bên mảng đến nơi cảnh Phật pháp dài.

Bức hoành có bốn chữ « *Thường lạc ngũ linh* » Họa-sĩ đã có ý tìm tòi đề bầy dương bốn đức tính tối-a của đạo Phật, thực là một bức tranh đã làm cho các nhà khảo cứu phải chú ý nhất.

Bức *Di-lặc* ở chùa Châu-lâm, với vẻ mặt hơn hờ ung bụng phệ béo tốt, thực đã tả được một vị Phật đầy lứa học tương-lai cho chúng sinh cái thế giới bất diệt sau này.

Bức tranh *Ngọc nữ* ở chùa Duyên-trang với cái dáng điệu mỹ-miệu, cùng những màu sắc đặc biệt của bộ quần áo cánh tiên, dưới vành khăn yếu-diệu của một cô nương, thực đã giúp cho các nhà sử học muốn tìm ra lối y-phục về phụ nữ ở, như bà Trưng, bà Trệu khi xưa, hẳn cũng không sai-lạc lắm.

Bức tranh *cái nón bà Thượng-ngân bằng giấy mả*, với cách xếp đặt có khuôn khổ vừa xinh, cùng những màu sắc xanh đỏ xen nhau, tươi sáng mà không loè loẹt, thực đã làm cho con mắt các nhà nhân-chúng-học không thể bỏ qua.

Còn những bức khác nó cũng cho ta biết nhiều ý nghĩa nếu ta để ý tiếp-nhận.

SÁCH MỚI

PHẦN ĐẦU của Minh-Tuyên.

Một tập thơ đầu của Minh-Tuyên, tác giả đã sưu tập các bài thơ đăng trong tạp chí này. Thơ Minh-Tuyên là một lối thơ mới, thơ triết-lý, có màu sắc lịch sử, phảng phất như các lối thơ trường thiên và thể ký thư XVIII bên Pháp của V. Hugo. Đọc Phần đầu ta sẽ nhận thấy sự cố gắng của tác-giả, sự cố gắng biệt lập một phái thơ mới khác bên cạnh các lối thơ đang rêu rắt trên thi đàn.

Tác giả kể cũng đã tốn công rèn luyện nên đã có những câu:

Lớ số sóng gợn, trời xanh ngất,
Sa-tràng dẫu cũ lấp vào đóa?
Nước đục lời trôi, hạo kiếp khuất
Hỏi tới ngày nay đã mấy thu?

và:

Móng mệnh muốn đậm Đàng, giăng phăng
In sắc hồng tươi, dọi bóng tà,
Đại Việt hùng binh chèo lạng-lạng,
Trống vơi lay Bắc tảo rừng xa;
(Sóng Bạch Đằng)

Xin mời g tác giả đã có những từ mới bên những lời thơ hùng tráng và xin vui lòng giới thiệu tập « Phần đầu » với độc giả.

T.T.

Sau khi xem hết các bức tranh của Họa-sĩ Trung, tôi tự thấy tấm lòng bàng-khuáng trong cõi tôn giáo đã được bao đời sung sướng, đã ở ảnh-hưởng về đạo-dức, luân-lý, tinh-thần văn hóa của nó giống ta, mà tiền-nhân đã lưu lại biết bao của báu về công-trình mỹ-thuật. Với những lý-công ấy, ai dám bảo là mỹ-thuật xứ này còn ở một tình-độ thấp kém, thì xin hãy tiếp nhận những tác-phẩm trong cuộc trưng bày của Họa-sĩ Công-vấn-Trung, sẽ tìm thấy được cái giá nhời rất rõ-rệt.

Biệt-lam TRẦN HUY DÀ

GIA ĐỊNH THÀNH :

ĐỒN CÁ TRÈ và ĐỒN RẠCH BÀNG

Số 2

LÊ-THO-XUÂN

Mà Trưng giữ đồn mé Bắc (Cá Trê), còn Mân giữ đồn mé Nam (Rạch Bàng) thì mới đúng, vì những lẽ sau đây :

a) Người có theo chúa Nguyễn phúc Anh nhiều năm ở Nam kỳ là Cấn-trai Trịnh-hoài Đức chép rõ : « Điều-khiển Trưng - thanh - lâu từ Thủ-thiên-đồn (tức là Cá Trê), Hoàng-dê Thiệu-phò Mân công cứ Rạch-Bàng đồn ». (7)

b) Có sách chép : « Trưng cùng giặc đánh nhau tại đồn Thủ-thiên, binh vỡ, bị giặc bắt ». (8)

c) Lại có sách chép : « Công Trưng từ thua ở Giác-ngư, bị giặc bắt (...) » (9). — Rõ-ràng là Trưng thủ đồn Cá Trê (bắc).

d) Như là khi Tây sơn vào Gia Định lúc tháng hai năm quí mão (1783) thì « Thực-lục » chép rằng « Thuộc-giáo (Tây-sơn) do cửa Cần-giờ tiến lên, Từ-khấu Nguyễn-văn Kim ở, đánh đồn phía Bắc (Giác-ngư, Cá Trê) Đô-dốc Lê văn Kế tới đánh đồn phía Nam (Thảo-câu, Rạch Bàng (...)) lớn thất Mân thấy thế khó chống, lui chạy; Kế phá đứt cầu nổi (cầu vĩ), Mân té xuống nước mà chết. » (10)

Rõ-ràng là Mân thủ đồn Rạch Bàng (Nam) là chỗ Đô-dốc Kế

tới đánh, rồi Mân chạy, Kế vượt, và vì Kế phá cầu, Mân mới bị chết đuối.

Đòm qua địa-dồ, bạn đọc thấy ngay Thủ-thiên (Bắc) ở gần Đồn Cá Trê nên sử ta chép Đồn Cá Trê là Đồn Thủ-thiên. Vậy ta nên chú ở « Thực-lục » : « Trưng giữ Đồn Cá Trê (Giác-ngư), Mân giữ Đồn Rạch Bàng (Thảo-câu) ».

Còn về ngày giờ, như bạn đọc đã rõ, hai đồn này có từ tháng mười-một năm nhâm dần (1782), nhưng ba tháng sau (tháng hai quí-mão) thì bị phá bỏ.

Qua năm kỷ-dậu (1789), ngày mồng hai tháng tư khởi đắp hai đồn này lại và xung quanh có trồng mù-à (thủy-mai).

Đó là theo « Gia-định-thành thông-chí », quyển 6, trang 5 b, còn « Thực-lục đệ tứ kỷ », quyển 4, trang 8 b thì nói đắp Lôi tháng ba kỷ-dậu. Chắc là tháng ba, chưa ra lệnh, mồng hai tháng tư khởi công. Lo đắp hai đồn này vì chưa cho nổ là chỗ xung-yếu là yết hầu của thành Sài-gòn.

Khi hai đồn đắp xong, chúa cho Nguyễn-văn-Thánh (trong Nam thường đọc là Nguyễn văn Thiêng) kiêm lãnh tướng-sĩ

trong đội « Tuần hải đô dinh » mà giữ lấy. Mỗi năm hễ xuân hạ thì giữ đồn, thu đông thì đi tuần ngoài biển. Bởi có như vậy nên trong bài « Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs », đăng ở « Excursions et Reconnaissances », n° 23, mai-juin 1885 - của cụ Trương-vĩnh-Kỷ mới có đoạn : « Trước mặt thành Sài-gòn, ở mé bên kia sông, có gì ? « Về thời Gia Long, đó là xóm tàu ở (11) (xóm ghe đen) ; chỗ đó để làm nơi đóng trại của bọn cướp người Tàu mà ghe đi biển của họ sơn màu đen. Vì họ giúp việc cho vua Gia-long, vua thâu nhận họ, để họ ở gần gọi tên là Tuần hải đô-dinh, và để họ ở dưới quyền cai-quản của việc đầu-đang của họ là Tổng-quân Xiển. Ban họ có phận sự đi tuần theo ven biển. Kế nào ở lại trại thì lo việc xăn đóng thuyền bè trong hạm-đội của nhà vua ».

Tôi không rõ hai đồn này dời ra Lã-Binh, Hữu-Binh lúc nào ; nhưng về việc Jaureguiberry, đóng ở Đồn Rạch Bàng (Fort du Sud) thì « Thực-lục đệ tứ kỷ », quyển 22, trang 9 b chép : « Tháng hai năm Canh t. ân, Tự đức 13 (1869), vua thấy binh Pháp ở Hữu-Binh gây một thêm đông (...) » và « Dương-

sư thủy mạc, » bản chép tay, trang 8 b và 9 a, cũng chép: « Binh Pháp bản phá Gia-dinh-thành, thiêu hủy dinh-dãy kho-tàng, lui đóng tại đồn Hứa-Bình ở về hạ lưu ».

Đồn Hứa Bình này, « Nam-kỳ địa-dư-chỉ » của Duy-minh-thị, trang 13 a, chưa là Đồn Tân thuận vì Tân thuận là làng ở về phía Rạch Bàng.

Thế là hai đồn này có từ năm 1782, bị phá năm 1783, rồi đắp lại chắc-chắn trong năm 1789.

Vậy trong Nhứt thống địa-dư-chỉ, bộ sách địa dư 40 quyển ra đời trước nhứt của nước Việt-nam về thời nhà Nguyễn (năm Gia-long 5.4806), Mãn-chánh-hầu Lê-quang-Đinh, (12) chép « Mậu-thần niên (1788), đại-bình khắc phục Gia-dinh, trực là không được rõ, mà cũng có thể gọi là sai. Đáng lý phải thêm, hai chữ « Kỷ-dậu niên » trước chữ « khắc ».

Tay vậy, viết được bài này là tôi nhờ đọc bộ sách đó, đọc

Thực-lục » hay « Liệt-truyện » tôi gặp mãi « Giáp-ngư » và « Thảo-câu ». Tôi biết « Giáp-ngư » là Cá Trê; còn Thảo-câu (Mơng cổ) thì không thể hiểu được là Rạch Bàng. Tôi biết đó là hai đồn ở Sông-nhượng không chắc ở tại chỗ nào.

Một hôm đọc bộ địa-dư này ở quyền-phủ, tôi thấy từ Ngã-bá Nhà-bè, theo sông Sê-gô vào 3595 tầm, về bắc-ngạn, có Rạch Ông Tổ, cũng ở bắc-ngạn d. 350 tầm từ tới, vấp rạch Cá Trê, đi 1419 tầm nữa thì tới Đồn Cá Trê. Còn về nam-ngạn có vấp Tắc Rỏi đi về 890 tầm thì tới Rạch Bàng.

Thống-chố Pétain đã nói :

Hỡi quốc dân Pháp, các người hãy làm bằng lòng thần của giống nòi bằng lời nói, cử chỉ, cách làm việc tài sáng kiến và chí phách mình.

Tôi rõ ngay Đồn Cá Trê không phải là Ford du Sud (như tôi đã viết trong Tri-Tân số 156, trang 4) mà sở dĩ có đồn Cá Trê là vì gần đó có Rạch Cá Trê và có đồn Rạch Bàng là tại đó có ngòi Rạch Bàng.

Tôi bỗng nhớ đến anh Trương Quảng Nguyễn và Nguyễn một thầy giáo trước kia có dạy tại trường Giảng ông Tổ. Muốn được biết chắc chắn hơn, tôi lên viết thư báo anh phải đi ngay đến vấp rạch Ông Tổ rồi dụ theo quyền địa-lý ra đời cả ở nay gần 140 năm mà đi lại vào và đi ra gần tới xem rạch Cá Trê hiện giờ có còn hay đã bị lấp lên rồi rồi không và nền đồn Cá Trê ở tại chỗ nào.

Vì lý do, ngày 8 aquil 1944 anh tới Giảng Ông Tổ. Nhưng vì không muốn được ghé anh không đi được đến. Tay vậy, một cổ lã đã báo cho anh rõ rằng « Lẽ ra rạch sông là làng Tân thuận cũ Đồn Rạch Bàng thì ban đầu sống có Đồn Cá Trê ». Vì cổ-lão này lại báo anh muốn đến đồn và rạch Cá Trê thì phải từ Sài-gòn qua chợ Thủ-thiền rồi cõ, đường đi bộ đặng.

Ngày 12 aquil, anh Trương Chánh đặng Thủ-thiền, đi gài theo sông Lân-nghe, qua ba cây cầu: cầu Ông Các, cầu Ngang 5 và cầu Pháo

11 thì tới nã Đồn Cá Trê cũ (bây giờ là Flotille de Saigon). Đi nữa. Qua các cầu pháo 13, 21, 25 và 33 thì tới Rạch Cá Trê. Rạch này còn y chỗ cũ, tên vẫn y chỗ cũ tên vẫn y như cũ, và tới đây là lết đường đi.

Tôi tìm, tìm tại, từ năm 1782, gần thành Gia-lynh có hai đồn:

1) Đồn phía Thủ-thiền, ở về tả-ngạn sông Sài-gòn (Tân-binh-phong), gọi là Tân-Bình-lưu-lay. Các ngư-báo và kêu vóm là Đồn Cá Trê; người Pháp gọi là Ford du Nord (Đồn phía Bắc);

2) Đồn phía Tân-thuận, ở về hữu-ngạn sông Sài-gòn gọi là Hứa-Bình-đồn hay Thảo-câu-báo và kêu vóm là Đồn Rạch Bàng; người Pháp gọi nó là Ford du Sud (Đồn phía Nam) hoặc âm Henou B nh mà là n ra Penon Binh hay Henom B'gne ngót 40 năm nay.

Bây giờ sống đến 7 ngày 8 sept. 1944
LÊ THỌ XUÂN

(7) « Gia-dinh thành thống chí » bản chép tay trong 1955.

(8) « Đại-Nam liệt truyện », 10 tập, quyển 13, trang 49 a.

(9) « Thực lục đời nhứt kỷ », quyển 2, trang 170.

(10) Cũng sách này, trang 1 và 2.

(11) Tàu ở hay ghé ở, ghé là ghé sà-lên sơn đồ đồ dùng vào việc công. Ở đây chắc Cụ Trương viết là Kỹ-lâm « xấp xỉ » với bọn cướp biển người Tàu, là quen gọi là « Giặc lặn » mà trong sử chép là « 78 ngòi hải phi » (là 78 giặc có hai trăm mà cốt bầy nhau), cầm đầu bởi bọn Mạc-quan Phà Phán vấp Tắc, ngót ba mươi năm cướp phá theo ven biển nước ta.

(12) Trưa phi tại nã Evéque d'A đặng ở Gia-dinh, thì đề là « Định thành hãn Lê-Trinh » (Lê-quang Đĩnh) từ (T. C. H. I, C. H. I. V. a).

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 9)

« Năm đinh - Dậu (997), Lê Hoàn thân-trình Đỗ-động, bắt Đỗ-động đem về kinh-sư. Đến năm kỷ-hợi (999) Lê-Hoàn thân-trình Hà-động (tức động Hà - man, nay là huyện Thạch-thành Thanh-hóa). Bọn Hà-động có bốn mươi chín động, Lê-Hoàn dẹp yên hết. Từ bấy giờ các châu động khác không chỗ nào là không qui phục » (Khâm - định Việt - sử, q. 1, tờ 23 a và 23 b).

Sang năm sau (1000), « Châu Phong có Trinh - Hạng làm loạn, Lê Hoàn sai đem binh đi đánh. Trinh - Hoàng chạy vào núi Tân-viên. Núi này ở về huyện Bắc-bạt, tỉnh Sơn tây, vì núi cao gồ ghề như cái tán, nên gọi tên là Tân-viên » (Khâm-định Việt-sử q 1, tờ 34 a)

« Đến năm tân-sửu (1001), Lê-Hoàn thân đi đánh rợ Cử - long, (nay là phủ Quảng - hóa thuộc Thanh-hóa), có Vệ - vương Đinh-Toàn đi theo. Quân giặc thấy Lê-Hoàn dương cung nhắm tên sắp bắn thì tên rơi, lại căng giây thì giây đứt. Lê - Hoàn trở lui, bèn cười thuyề đi men bờ sông đuổi theo, quân giặc thấy trận ở hai bên bờ sông đề chống cự, quan quân bị tằm ở sông, Vệ-vương Toàn bị tên bắn tìn, mất tại trận. Lê-Hoàn kêu « trời / ba tếng, rồi tự mình cố sức đốc-chiep, quân giặc bị thua » (Đại Việt sử-ký, toàn thư, q 1, tờ 23 b).

Lê-Hoàn sở dĩ đánh đông dẹp bắc mà vĩ công được rực rỡ như thế, là vì Lê Hoàn có lưu-tâm đến binh chính. « Năm bình-tất (886) mùa thu tháng tám, Lê hoàn cho tuyển những người lĩnh nào kiên-khiên (nhánh-nhẹn khỏe mạnh) bỏ vào quân túc-vệ, gọi là thân-

quân, đều chạm ở chân ba chữ « Thiên-tử quân », (Khâm-định Việt-sử, q. 1, tờ 21 a). « Đến năm Nhâm-dần (1002), kén những người dân đinh khỏe mạnh, cho bỏ vào đội ngũ, chia tướng biếu làm hai ban. Làm vài nghìn mũ đầu-màu đỏ ban cho sáu quân » (Khâm-định Việt-sử q. 1, tờ 35 a).

Ngoài việc binh-chính, Lê-Hoàn lại chú ý đến việc dân. Như « năm đinh-hợi (999) Lê Hoàn cây lữ-h-điền ở Đới-sơn (tức núi Long-đội, ở xã Đới-sơn, huyện Duy-tiên, Hà - nam) được một chính vàng, lại cây ở núi Bàn hải (không rõ) được một chính bạc, nhân gọi tên là « kim ngân điền » nghĩa là « Ruộng vàng bạc » (Khâm-định Việt-sử, q. 1, tờ 23 a).

Rồi đến việc đúc tiền. Nguyên nước ta từ xưa chưa có tiền, dân gian-tiền dùng đại-khối đem của cải đồ-dạc đổi trác cho nhau. Lúc ấy có người Tàu đem tiền sang ta, nhưng việc công việc tư đều không tiện. Bởi vậy, Lê-Hoàn mới cho đúc tiền « Tiên-phú », nước ta có tiền để tiêu dùng, bắt đầu từ đây (Đại-Việt sử ký cái-lương, tờ 78 b).

Trong năm 1002. Lê Hoàn định ra luật lệnh, và đời mười đạo làm từng lộ, phủ và châu. Hai việc này chỉ thấy Khâm định Việt-sử, (q 1, tờ 35 a và 35 b) chép như thế, chứ không chép rõ luật lệnh, như thế nào, và cách thức đời mười đạo làm lộ phủ châu ra sao. Nhưng cũng đủ rõ rằng: Lê Hoàn là người có qui-mô đế-vương.

Lê - Hoàn lại là người giỏi về công-tác. Sử Khâm - định (q. 1, tờ 19 b và 30 a) chép « Khi Lê Hoàn đi đánh Chiêm - thành (vào năm 982), qua núi Đồng-cổ (ở xã

Đan-né, huyện Yên - định, Thanh-hóa) đến sông Bà - hòa (nay là sông ở xã Đồng-hóa, Thanh - hóa), đường núi hiểm trở, người ngựa lắm khi bị khốn. Lê-Hoàn sai đào cãng mới, đến năm sau đào xong, công tư đều được tiện lợi ».

Năm nhâm-thìn (992) mùa thu tháng tám, Lê - Hoàn « sai chức phụ-quốc là Ngô-tử-An đem ba vạn người mở con đường bộ từ cửa bể Nam - giới (ở địa phận huyện Thiên-lộc và Thạch-hà) đến châu Đại-lý nước Chiêm-thành. (Đại-lý tức là phủ Quảng-minh, tỉnh Quảng-binh bây giờ).

Đến năm 1003, Lê - Hoàn « lại vào Hoan-châu (Nghệ-an) đào cãng Đa-cải (tức cãng Hương - cái phủ Hưng nguyên) Lúc bấy giờ đào cãng có nhiều người ta oán, làm phản. Lê-Hoàn ra lệnh chém ngay đề nghị pháp luật, có tên đầu-mục bọn dân ở thành Nhật-biệt là Hoàng-khánh-Tập, đem thuộc hạ đến hơn 450 người, chôn sang châu Khâm nhà Tống vua Tống yên-ửi bọn tập rồi bảo về. Bọn Khánh-tập sợ tội không dám về, bèn làm nh ở bờ bể » (Khâm-định Việt sử, q. 1, tờ 35 b).

(Còn nữa)

Ứng hoà NGUYEN-VĂN-TỐ

TIN BUỒN

Chúng tôi được tin buồn cụ Trịnh-hữu-Hiến thân phụ các bạn Chắt, Tấu, Khánh, Luân, Nghê vừa tạ thế tại phố cửa Đình (phủ Lạng thương) và đã làm lễ an táng ngày mồng 2 tháng 10 ta (17-11-1944).

Trong dịp buồn rầu này, đồng nhân chúng tôi xin trân trọng kính viếng cụ và chia buồn cùng các bạn.

TRI-TAN.

Truyện cụ Chu-An

TRẦN HÀM-TÂN

Về liễn-sử cụ Chu-An trước đây Tri-Tân đã đăng bài biên khảo của bạn Nhật-Nham ; nay lại xin lục đăng bài dưới đây của Trần Hàm-Tân tiền-sinh ở trường Bắc-cổ cho rộng đường khảo-cứu.

T. T.

Theo trong sử-ký thì cụ nguyên quán ở Văn-thôn, xã Quang-liệt, huyện Thanh-dâm, tức là xóm Văn-xá, xã Thanh-liệt, huyện Thanh-tri thuộc tỉnh Hà-dông. Ai sinh ra cụ? Và cụ sinh vào ngày nào? Thì sử rón khuyết bút & Duy trong *Thần-phả* có chép: « Tiên-thành sinh ra cụ vốn người họ Chu, húy Công-Tuệ, quê huyện Quảng đức bên Tàu (....) một hôm đi qua xóm Hoa-văn này thấy bà Lê-thị-Chiêm hình dung diện mạo có vẻ nghiêm chính và tính khí thuần hòa, rồi mượn mối lái hỏi lấy làm vợ, sau làm nhà ở và nhập tịch thê hương, chuyên làm việc thiệp và hay chần cấp cho kẻ nghèo người đói. Ngày mười lăm tháng tám năm Nhâm-thìn bên sinh ra cụ diện mạo khác thường, hình dung cũng lạ, bên đặt tên là Văn-An. » Còn trong *Nam-ông-mộng-lục* của tác-giả Hồ-Trường tức là Lê-Trường, nguyên là Tả-tướng-quốc đời Hồ khi quân Minh đánh được Hồ-qui Ly thì Trường phải lủ Lý-Bào bắt được ở cửa bể Kỳ-la rồi đưa về Kim-lăng trong năm Hưng-khánh (1407), mà chép sách này vào năm Chánh-thống thứ ba (1438), khi Trường đương làm Tả-thị lang bộ Công bên Tàu là sách chép rất gần đời cụ mà cũng chẳng thấy

chép rõ sở sinh ngày nào? sở xuất là ai.

Cụ tính cương giới (cứng như sắt, bền như đá), sửa mình thanh đạm, giữ tiết chịu khổ, chẳng cầu-cạnh chi lợi lộc tiền bạc mà chỉ ở nhà đọc sách. Cho nên nghiệp học được tinh-thuần rồi nổi tiếng mà xa gần đến theo học ấy rất nhiều. Phạm-sư-Mạnh và Lê-bá-Quát xuất chính làm quan Hành-khiển bấy giờ mà cũng giữ lễ độ tử thường lại thăm hỏi, nếu được cùng bàn điều gì thì rất lấy làm mừng, nếu có điều gì không phải thì cũng bị trách mắng. Ý giả đạo học của cụ chỉ lấy đạo Khổng, Mạnh làm gốc. Cụ có viết bộ *Tứ thư thuyết ước* nhưng thất truyền. Bleb-sinh của cụ còn phảng-phất trên mặt sử và trong tập thơ (11 bài trong sách Việt-âm-thi-tuyền). Cho nên học trò của cụ cũng theo tôn-chỉ thầy mà chần-chăm bài xích những thuyết hư-vô tỳ-biệt, kỳ-quái truyền-bí như trong bài ký chùa Thiệu-phúc thì kêu họ Phật lấy thuyết họa phúc dụ người, trong bài đề chùa Phật-tử thì muốn dùng nói sự kỳ quái của họ Tề.

Tục truyền cụ có cả học-trò ma quỷ nữa, hoặc chỉ là thủy-sông Nhuệ, sông Tô, hoặc chỉ là thủy-

dâm Linh dâm; vì ngờ là thủy thần cho nên, trong truyền kể thấy độ lột ba-ba, hoặc thấy độ lột rùa. Nguyên ở xóm Văn, cách giồng sông Tô có một bãi đất rộng lắm nhiều gò cao (tức là chỗ Huỳnh-dâm, hiện có đền của hàng huyện thờ cụ đến đầu cò nhưng có vẻ thanh tú khác thường, ở ngay đầu làng Huỳnh-cung, (xưa là Cung-hàng thờ Cổ điền, huyện Thanh-tri) xưa là Thanh-dâm) cụ bên dựng nhà học trên gò cao đọc sách và dạy học trò, rồi học trò theo đến đấy khá đông trước mặt có cái đầm sen nhưng bấy giờ thành ruộng cả. Hai người học trò trẻ tuổi tự nhận là anh em, trong có vẻ chẳng phàm, đầu họ đi lại học tập cũng như chúng bạn, cụ vẫn lấy làm ngờ. Một hôm cụ sai người đi xem thi quả-nhiệm tự giồng sông cầu Bưu (thuộc xã Thanh-liệt, tổng Thanh-liệt, huyện Thanh-tri) đi lên, cụ biết ngay là con vua Thủy nhưng cứ để cho học tự-nhiên. Nhân gặp Trời làm đại hạn, đồng điền khô khan, nông gia nháo-nhuác, cụ dạy tan khóa học rồi lưu tại câu học trò này bảo rằng: « Thủy muốn các con thương dân lao-khổ, hãy làm mưa cho họ nhờ! — Dạy nhưng không sông họ đều có lệ lệ phong bế cả túi lấy

(Xem tiếp trang 24)

Lịch-sử vùng Hồ Tây

(Tiếp theo trang 7)

có quốc-công Lê Tín, làm quan tại triều, được vua thân yêu, cho họ vua và gả công chúa. Vì chưa có con mà công-chúa mất sớm, nên Lê Tín và từ chức quan, về làm nhà ở phường Hồ-khẩu (xưa là phường Thọ-khang), lấy người họ Nguyễn làm rể; ông bà thường câu dáo ở cồn Đông-bãi, mộng thấy thần cho hai vị trượng phu hôm đứng ở bờ sông xem đánh cá, thấy cá chép đang vây dáo, rồi ý muốn nước, sau có thời, đánh cá một mẻ bái, con giun. Lê Tín lấy dáo đứng ở bờ sông, cá xem đánh cá, đặt lên một người là Công-lễ, một người là Cá-tể đến khi lúc dáo lên vào vó toàn tài, có công theo Tản-viên đánh Tà, đánh được rồi bay lên giới bên mặt (?). Lạc-vương phong làm thượng - đẳng phúc-phần, cho hai người (giáp Đông và giáp Bả) ở phường Hồ-khẩu thờ cúng.

Sau đến đời Lý Thái tổ (1009) đi đánh Chăm-thành, có công âm-phò, nên được gia phong. Đến đời Trần Nhân-tông (1288), đánh đuổi quân Nguyên, có công công âm-trợ, nên được phong làm phụ-quốc-tể-thể.

Tuy nhiên truyền này chỉ thấy chép trong bản-úch, nhưng cũng có ý nghĩa lịch sử, và để cho biết cái cửa Hồ Tây về đời ấy đại kỳ ai vào chỗ nào, nên chép lược ra như thế.

Ở vùng Bưởi lại có làng Đông-xã, nguyên xưa là thôn Đông, thuộc xã Yên-thái, nay là làng Đông-xã, Làng ấy thờ ba vị thần hoàng: một là Đông-cổ sơn-thần, còn hai vị ở núi Tản-viên. Khâm - định

Việt-sử (q. 1, tờ 20 a) chủ thích rằng: «Núi Đông-cổ ở xã Đan-nê, huyện Yên-lạc, tỉnh Thanh-hóa». Bản sự tích thần Đông-cổ thi Việt-diện u-linh (bản sao của trường Bác-cổ, số A 751, tờ 57 a và 57 b) chép rằng: «Núi Đông-cổ ở Thanh-hóa tục gọi là núi Khả-phong. Khi Lý Thái-tông còn làm Thái-tổ (1020), Thái-tổ sai đem quân đi đánh Chăm-thành, quân đi đến Trường-châu, tối ngủ lại, đêm mộng thấy một người lạ, mặc nhung-sphục, cầm binh khí, rồi dáo, nói rằng: «Tôi là thần ở núi Đông-cổ, hợp e nhà vua đi đánh, tôi xin âm-trợ». Khi đánh được Chăm-thành, trở về đến núi Đông-cổ làm lễ tạ, rồi xin rượu về kinh-sư (Trường-tông) để giúp nước yên dân, nhưng xem khắp trong thành không có ai ở nào, mà xem ngoài thành, thì không biết chỗ nào tới. Sau sau lễ khẩn thần, thần xin làm ở sau chùa Thánh-thọ ở bên hữu thành, (tức là thôn Đông, phường Yên-thái, chính là làng Đông-xã bây giờ). Vua y theo lời thần mộng, lập đền ở đấy để thờ cúng. Năm 1028 Lý Thái-tổ mất, Thái-tông nối ngôi, thì đêm ấy thần Đông-cổ báo mộng cho Thái-tông rằng: «Ba trước vương: Vũ-từ, Đông-triêu, và Đức-thánh sắp làm loạn, nên mau đem quân binh lính, phòng-bị trước, đề khởi là sau». Sáng hôm sau, quả nhiên như lời trong mộng. Lý Thái-tông lấy làm kinh-dị, phong làm thiện-tạ minh - chủ thần gia phong đức đại-vương.

Khâm định Việt sử (q. 2, tờ 30a) và Đại-Việt sử ký toàn thư (q. 2, tờ 15a) chép như sau này: «Trước một ngày, Thái-tông mộng thấy thần

núi Đông-cổ báo-mộng rằng: «Ba trước vương làm loạn, nên phòng bị». Sau quả nhiên ba em Thái-tông làm phản. Thái-tông ban chiếu cho các quan lập đền ở sau chùa Thánh-thọ bên hữu thành Đại-la. Đến ngày 25 tháng 3 năm ấy, (tức năm 1028) lập đền thờ, bắt quân lính đủ cả khi giới sắp thành hàng ngũ ngũ âm-hình ở trước đền, rồi đọc lời thần rằng: «Việc bất hiếu, vi thần bất trung, thần minh giết chết», các quan từ giữa đông đi vào qua đền vị uống tiết sống (tiết gà rô câu sống máu ăn tiết). Từ bấy giờ mỗi năm một kỳ lễ, lập ăn lễ thường, ai không, thì bị phạt năm mươi trường. Sau vua Lý Thái-tổ nên dời đền ngày mồng bốn tháng tư.

Hà - nội địa - dư (bản sao trường Bác-cổ, số A 1154, tờ 44a) chép rằng: Đời Trần bắt chước lối thờ của nhà Lý, ngày hôm ấy, vua ngự đến Đại-minh, các quan đều đủ quân-hầu đầy tớ đến đền để thờ rằng: «Vi thần bất trung, vi quan thanh bạch, hữu thần tửu-minh, thần-minh cực côi», nghĩa là «Làm tối lút lòng trung, làm quan thanh bạch, ai trái lời thờ ấy, thần minh giết chết». Nhân dân đến xem cho là «thần-sự» (vệ: hay). Đến triều Lê lấy ngày mồng tháng giêng, thờ ở bên sông, gọi đền Đông-cổ thì sai quan đến lễ.

Lấy nghĩa: trung chủ, tôi «Đông-cổ» là trống - đồng có lẽ là thờ trống dáo vào khoảng thế kỷ thứ nhất, sau Tây lịch, mà Bảo-tông

trường Bắc-cổ nhà được ba bốn chục cái đủ các kiểu, nay người Mường người Dô đi-diễn v.v. hãy còn dùng, phải nhiều về việc ma chay (xem Henri Parmentier, *Anciens tambours de bronze*; Victor Goloubew, *L'âge du bronze au Tonkin et dans le Nord-Annam*, v.v.)

'Bà Tạng tợ-hồ cò râu'! « Lẽu b'ka bay tợ-b'ểc ph'á-ph'ơ, thoi oanh gh'ẹo hai ph'ởng d'ệt g'âm; s'ơn v'ũng d'ộ n'ày t'àn x'anh l'á-d'ắc, l'ửa d'óm tr'ên n'ăm x'ã g'ây l'ỏ ». « Hai ph'ởng » là B'ãi-đ'àn và Tr'í-h-s'ài c'ò gh'ề d'ệt l'ính. Tr'ích-s'á và V'ũng-th'ị tr'ên này đã nói có thờ Mục-t'ạn làm th'ần-hoàng, xem th'ần-t'ích hai l'òng á-c' thấy r'ỏ, thờ cả hai công-chúa về đời Ti'ên-Lý (514-602), sự t'ỉ b' như sau này: « Ti'ên-Lý t'ợ là Lý-B'í, t'ên-t'ỏ là người Tàu, sang ở nước Nam đã tám đời thành ra người Nam... Năm thứ 7 hiện Đại-đồng nhà Lương (541) thứ-sử châu Giao lúc ấy là Ti'ên-T'ư, vì tham kh'ắc mất lòng dân Lý-B'í khởi binh đánh đuổi Ti'ên-T'ư, xưng Nam-V'iệt-đ'ổ, đặt niên-hiệu là Thi'ên-t'ức, gọi tên nước là Vạn-Xuân. Năm ấy hoàng-hậu đã ba mươi tám tuổi mà chưa con. Đêm ấy mộng thấy hai người tiên-nữ bơi hai thuyền rồng vào 'rong cùng, rồi hoàng-hậu hoài thai mười lăm tháng, sinh hai con gái, đặt tên người lớn là Vạn-Phúc, người thứ hai là Vạn-L'ộ. Đến khi lớn hai người đều ham sơn thủy, thường đi dạo khắp những núi cao sông lớn. Vua và hoàng-hậu can ngăn thì hai công-chúa tâu rằng: « Người ta sinh ở hồng-tr'ần, bình như cây cỏ, v'inh kh'ể như chớp mắt, cuộc đời trăm năm, v'ật ch'ết như bay, cha mẹ d'àng lo ch'úng

c'òn c'h'ế m'ồn c'ũ sông lớn c'h'ế-n' giống k'ính to ở chỗ b'ể k'hoi, d'ể c'ứu nh'ân-d'ân ra k'hi n'ơi n'ở-l'ử, nếu k'ông thì ài th'ân ở hang n'úi, c'ùng v'ới c'ây t'ùng c'ây b'ách ch'ết gi'á. ch'ứ k'ông b'ất ch'ừa người d'ở c'ái d'ầu cong lưng làm tôi tớ ng'ười... » Vua và hoàng-hậu nghe con nói vậy, cũng chiều lòng hai người lại gi'ống c'hoi sông nước, có một hôm bơi thuyền đến mé dưới núi d'à sông Tô-l'ích, ghé trên núi có c'hai hồ t'inh ch'ín d'ưới (?), thường ay q'ũy nhiều dân-g'ian h'ải h'ười nói chuyện v'ớ như rằng: « C'ứ như thế là d'ức k'ông th'ắng được yêu! Con yêu này tu luyện đã hơn nghìn năm, nếu không có phép ph'ật thì không thể trừ được ». Hai người h'ên quay thuyền đi để tìm ti'ên học phép, có một hôm đang bơi thuyền ở sông Nguy'ê d'ừ, thấy người con gái có ti'ên phong đạo cốt, d'ứng ở bên

sông hai người chèo thuyền đến, chào hỏi, người con gái kia xưng là Gi'á-h'ải bà v'ương, và nói rằng: « Nghe hai công-chúa có lòng trừ x'ã-quái, nên tôi đến giúp ». Hai công-chúa b'ên mời Gi'á-h'ải về cung, vua thử ph'áp, b'ết là người ấy ph'áp thuật cao c'ao rồi truyền làm cung-ni'ang để cùng hai công-chúa ở chung. Được ít lâu Gi'á-h'ải báo vua lập đàn cầu kh'ập Long-v'ương xuống ch'ủ đàn, để Gi'á-h'ải hóa phép trừ x'ã. Sau khi trừ đ'ược h'ồ-t'inh thì người con gái bi'ết mất, vua b'ểi phong làm Tr'ần-t'inh bà v'ương, lập đàn, sai hai công-chúa thờ cùng.

Khi Lý-B'í bị vây ở th'ành Ga-n'inh (năm 516) có sai t'ướng là Lý Hùng đến d'ền t'ần đ'ảo, đêm hôm ấy Lý-B'í lên mặt t'ranh t'ướng thấy có một nữ t'ướng ở tr'ên g'òir xuống (?), c'ưỡi ngựa m'àu gi'áo d'ưới d'ài, quân Lương s'eo l'ên l'ên nh'au

Sắp phát hành:

I. HỘI THÊ ĐỐN SƠN

Cuộc mưu sát Hồ - qui - Ly cuối đời Trần. Cuốn tiểu thuyết lịch-sử đầu tiên của Ti'ên-Dam Nguy'ên-t'ướng-Ph'ương viết rất công p'ụ và khiến độ-gi'á t'ướng nh'ư minh song lại thời xưa.

II. CÔNG THẦN TRIỀU NGUYỄN

Vạn th'ần v'ớ t'ổng, c'ò g' th'ần người ngoại quốc đã ph'ò vua Gi'á-l'ong oanh l'ợi của Nguy'ên-T'ri'ên đã d'àng t'ên t'ạp chí Tr'i Tân đ'ượ. nhiều bạn d'ộ hoan ngh'ênh.

Chú ý: Vì đường giao thông chưa được thuận tiện nên sách chưa gửi được vào Trung Nam, xin các bạn chờ.

TRẦN NHƯ LÚAN
121 Chancéaulme Hanoi

mà chết. Lý-Bí mở vòng váy lui về động Khuất lão (?) định sửa soạn khi giới để khỏi phiền, nhưng bị khí lam-chướng rồi mất. Hai công-chúa nghe tiếng vua cha (Lý-Bí) mất, thương khóc rất là thảm thiết, về Dâm-dâm rồi cùng mất.

Đến đời Trần hiệu Trưng-hương thứ nhất (1285) truy phong Vạn-lộc làm Kinh-thiên Pháp-tổ bà vương; phong Vạn-phúc làm đệ-nhất công-chúa, Vạn-lộc làm đệ-nhị công-chúa.

Ba vị công-chúa về đời Tiền Lý mà làng Võng thị và Trích-sái thờ làm thành hoàng, thì sử không chép đến, cứ kể ra cũng không nên tin lắm; nhưng ta cũng có thể nhận đó mà biết được rằng: Nhà Tiền Lý tuy bở rở nước không được lâu dài, nhưng cũng đủ quy-mô để vương, và lại biết thêm rằng Lý-Bí có hai con gái, hiện quốc-dân có nhiều làng thờ, chính là vì nhớ công-dec mà thờ cả đến các con.

Đã là kể những vị hành-hoàng có tên trong sử hoặc có thể giúp ích cho sử học, còn xung quanh Hồ Tây đến mười-bảy cây số (Médrolle: *Indochine du Nord*, in lần thứ 2, tr. 17) thì nhiều làng, như làng Quán-lá, làng Vạn-bảo, (tức Vạn-

ngọc), v. v., đều là thờ những vị thần thuộc về thần-thoại, sợ kể ra thì lạc đầu đề; lại có làng như làng Tây-hồ, chính tên trùng với tên Hồ, địa-phận thì ở giữa hồ và ở xung quanh hồ, mà thờ mấy vị thành-hoàng lại không có sự tích.

Ngoài ra còn những câu ca-dạo có dính-dáng đến Hồ Tây, như câu: «Ngọc Hồ Tây biết bao giờ cạn, nhị vườn đào biết vạn nào, họa...»: câu này tả cảnh Hồ Tây sâu, lắm, nhất ở mạn Xuân-tảo độ tới ba bốn thước tây. Lại câu: «Chẳng vui cũng thế, Hồ Tây xứ Đoài...». Hay câu «Chẳng về Hồ, thiếp cũng về Hồ, chẳng về Hồ Hán, thiếp về Hồ Tây»: câu này thuộc về lịch-sử. Nguyên về đời Trần Thuận-đế, Năm ấy (1397) Hồ Quý-Ly đắp kinh-dô mới ở Thanh-hóa, có người cống-sinh làm đốc-công về việc xây thành; vợ cống-sinh báo công rằng: «Người ta ở đời, phải trọng cương thường, nên rõ phải trái, huống chi chẳng là cống-sinh của triều Trần, lại bỏ cả phải công-sinh của nhà Hồ đâu? Nay lại khauất (hạ) theo Hồ, ham phú-quí một thời, sao bằng đem lòng thờ

với cố-quốc, mà để lại tiếng thơm nghìn thu?». Sau Hồ Quý-Ly biết, lấy làm căm giận, nhận việc đắp thành mãi không xong Quý-Ly sai đem cống-sinh ấy vào chỗ thành lỗ ấy, rồi đập lên trên, người vợ cứ ngày ngày ra đấy, đập đầu vào đá, lấy hai tay vỗ mạnh vào đá, kêu khóc mãi rồi chết. Chỗ đá ấy lồm xồm; cái đầu vỡ đầu và hai tay đến bây giờ lấy còn (thuật theo *Việt-nam phong sử* của Nguyễn-văn-Mại, bản sao trường Bắc-cổ, số A B 320, tờ 51a và 51b). Hồ Tây là cố-dê của nhà Trần, câu ấy là lời người vợ báo công «dù chẳng có theo Hồ Hán-Thương thiếp vẫn theo nhà Trần», thật là người có khí phách nam-tử. Hiện nay có đền thờ, thờ là nghìn thu hương, khói, mà lại rõ ràng: ham bổng lộc trước mắt, không bao giờ bằng tiếng tốt lâu dài.

Một vùng con con như vùng Hồ Tây, mà kể đến sự-tích thì có nhiều việc kinh-thiên động-địa, nhiều chuyện đáng làm gương cho đời sau, nên chép qua ra đây, cũng là một cách tỏ lòng nhớ công xây dựng của người xưa.

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐA CỐ BẠN

VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ YẾU

DƯƠNG QUẢNG HAM Giáp sư trưởng Trung Học Bảo Hộ Hà-nội — 500 trang khổ lớn 15×22

DANH LƯU Y HỌC (TẬP A VÀ B)

PHẠM KHÁC QUẢNG Y-khoa Bác sĩ — LÊ KHÁC THIÊN Njôĩ-trĩ Y-sinh

ĐẠI NAM HÌNH PHÁP

LÊ TRUNG CHÂN Luật-khoa Tiến-sĩ Thăm Phấn tại tòa Thượng-thẩm H. 35) trang khổ 13×20

Nhà in XUÂN THU, 214, Hàng Bông — Hanoi

Truyện cụ Chu An

(Tiếp theo trang 17)

nước đâu? — Làm dùng nước
nghiên nước sao? — Dạ! coi Trời
rất nghiêm, phải bày rất trọng,
nhưng nước trong nghiên chỉ đủ
thấm nhuần một tòng. Chúng con
vâng lệnh này rồi rất phải chịu tội
đề-linh, xin bày sẽ thưởng cho! —
Nói xong các cậu tay bắt vẩy lên
Trời, rồi bèn, mất. Đêm ấy quả
nhiên mây mù tối tăm, mưa dầm
dẫn sấm, trong nước có sấm rục
và chưa cạn cánh, bỗng một tòng
tức là tòng Thanh-lệ huyện Thanh-
tri. Mực này trời ra đêm Quỳnh đồ,
tòng Cổ-đều cùng huyện ấy, tục
gọi là năm-mực. Cột bút trời về
làng Tô-đô là Tả-thanh-oai cùng
tòng ấy thuộc phủ Thanh-oai, cho
nên kẻ Tô làm người học hành thi
đỗ. Khi ấy lúc mà lại trời tối và
được mưa. Chợt thấy có người
trình cụ rằng đường kia có hai
cái xác ở dưới mà hai đầu thì từ
Trời rơi xuống, cụ ra xem rồi sai
người đào lên thành pi-ai, hiện
có lạng, ở ở giữa ngôi nước bên
cầu Bưu, sẽ sẽ nằm đấy, ngọn cỏ
rầu rầu, ở ngày mồng sáu tháng
hai, hàng tòng đi tỉnh mộ rồi về tế
tại miếu Vị thủy thần này được
sáu xã phụng thờ làm thành-hoàng
và có sắc ban phong thượng-đẳng
hiện mếu ở xứ Xá-can đầu làng
Bằng-lệ tòng Thanh-lệ, tục gọi
là « Mếu-Gân » cũng gọi là « Miếu
cỏ », lấy bà Linh-Đường làm tể-
án, đêm Puáp-vác là n minh-đường
đứng giữa các đình các xã kia. Hồ
mỗi khi vận hán, dân các xã này
thời rước thần-vị đến Huyện dân
« Có sách chép cụ đồ tiến-sĩ, mà
Thần tích lại chép cụ năm, mười
hai đời tại Thái học - sinh, năm
mười sáu tuổi vào dinh tại, năm
hai mươi bốn tuổi làm Giám-quan.
Trái lại, Nam-ông-mộng-lực thì
chép cụ điểm đàm-lí lòng thì được
chẳng tới ứng cử bao giờ. Sự chép
rõ ràng cụ đến đời vua Minh-tông
(1315 — 1329) được đời làm Tư,

nh nghiệp dạy Thái-tử học. Vua Giu-
tông (1341 — 1369) về sau vui
chơi quá độ, lười bỏ chính-vụ để
triều-thần lòng quyền-thậm - chỉ
nhều đều vô phép, cụ can ngăn
bất lực mà vua chẳng nghe; cụ
bèn dâng tờ xin chém nhữ-ti-ân
bầy người đều là tay quyền banh
cạ. Thì bấy giờ đặc biệt kêu là
« xóc thật trăm ». Nhưng bấy ng rồi
là ai thì sử không chỉ rõ, và cũng
không thấy chép bọn họ từ lần
gì đến cụ về sau.

Tức thay! tờ này dâng lên mà
chẳng thấy vua truyền lại thế nào,
cụ quyết chí từ quay, treo mũ
thành Đông, thăm hoa vườn cũ.
Ấy cụ khả dĩ làm quan thì làm
quan, khả dĩ thôi thì thôi (tức là
nghĩa câu: khả dĩ sĩ tắc sĩ, khả
dĩ chí tắc chí) mà thờ vua nói
nuâm mãi ấy phải nhự (tức là
nghĩa câu: sự quân xác tư nhực
hĩ) cụ đành ở ẩn để tìm chí (tức
là nghĩa câu: ẩn cư cầu chí).

(còn nữa)

TRẦN HÀM-TAN

Giải thưởng Văn-Chương
B. D. T. H. T. V.

Để kỷ niệm ngày đệ nhất qua
niên, Bình Dân Thanh-Niên Thư-
Viện đã chức bắt đầu từ tháng
Novembre 1944 một cuộc thi văn-
chương. Có 3 giải thưởng:

Giải nhất	250\$00
Giải nhì	150\$00
Giải ba	100\$00

Cuộc thi này dành cho những
cuốn tiểu thuyết hay những vở kịch
hoặc trước tác hoặc phiên dịch
thuộc về các loại như Lịch sử, Giáo-
dục, Khoa-học, Xã hội cứu khổ, tình
tham hay phiêu lưu.

Hạn gửi tác phẩm dự thi kể đến
ngày 30 Avril 1945 là hết.

Muốn biết rõ điều-lệ cuộc thi xin
đến hỏi ở Hội Quán (N° 16, Rue de
des Etoffes Hanoi) Ở xa xin viết
thư về Hội-Quán kèm theo một con
tem 0\$15, hội sẽ trả lời và gửi theo
một điều lệ.

B. D. T. N. T. V. tại chỗ

Đã in xong:

TIẾNG VỌNG SÔNG NGÂN

Thi-phẩm của NGÂN GIANG

A. — LOẠI ĐẶC BIỆT:

1) 5 bản trên giấy Bạch-Tuyết (riêng)

loại sách này có ảnh tác-giả)

Giá: 100\$00

2) 25 bản trên giấy lụa Tủy-Hồ

40\$00

B. — LOẠI QUÝ:

In trên giấy lụa Trữ-La

Giá: 12\$00

Hai loại sách này đều có 2 tranh minh-họa của
họa-sĩ TRỊNH-VÂN. Bìa do họa-sĩ Trịnh-Vân
vẽ bằng đá và trông rất đẹp và ấn-loát

Không gửi tiền lĩnh-Lúa giao-ngân mua lễ, thêm 1\$00 cước
Đặt lý trừ 25% — Thư, Ngân-phẩm gửi về

Bà ĐỖ THỊ QUẾ

Hàng Bông HANOI.

TIÊU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Cựu

« Khiêu nhân lồng An-Tu công-chú,
ca Thoát-Hoàn, dục thục quốc nưi dã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mãn thân

NGUYỄN HUY-TƯỜNG

Số 17

Vong đau thương. Tạm lòn cú g-oi ấy nhều khi cũng có rùng rợn yếu của kẻ đứng thường. Lạ lạ khoan lo nghĩ một mỉnh, trầu tro không nghĩ được, không bao giờ Đại vương đưa một con phong ba trong tâm trí đến nhều ấy.

Đại vương trở dậy, lại bàn với lấy quyền « Bình thư yếu lược » do Đại vương soạn ra và mới cho khắc in ở bản in xong để phát cho trướng sĩ. Lăn giờ lại quyền sách, Đại vương dần dần trầu tỉnh lại. Giữa lúc ấy thì những câu trong bài lịch mà trong tâm lo nghĩ ấy, Đại vương định viết để khuyên răn tướng sĩ và cố kết lòng người, cứ nối tiếp thành, sôi nổi và chín thành như lòng tác giả. Đại vương cầm bút viết, khi quang bút xuống án thư, thì trời đã quá canh ba. Nét chữ thảo tung hoành, nhanh và ga-gạc.

Đại vương cho truyền Trương Hán-Siêu vào và nói:

— Đêm qua, ta mới viết bài lịch này, sợ trong lúc sống đời, khi vẫn n- n nết, phiên tiền sinh hiện chính cho.

Siêu cũng kính tiếp lấy bản thảo, đọc xong, sụp lạy trước mặt Đại vương và thưa:

— Hạ quan cũng thấy lòng sôi rồi. Lời văn đanh thép, khí văn như sóng cồn, đến kẻ ngoan phu rứa phu đọc đi cũng phải phấn phát.

Các văn quan hiệp lại bài lịch ra thành mấy ng- in bản, cứ như họ cũng thấy lòng rạo rức muốn tập luyện, đao cung, đề ra trận.

Ga-gạc hôm sau, khi quân các trại trở dậy, họ xúm lại chung quanh các tướng nghe đọc bài lịch của Quốc công. Nghe đọc và giảng nghĩa đến đây, bỗng họ sôi nổi, bỗng họ cên dậy, gồng giồng quyết lộ, tâm tủa đến những thơ sâu kín của từng người. Kẻ phạm vào những nết xấu kẻ trong bài lịch, đều tỏ thẹn, như người khốc nước nỏ, những kẻ khác thì hồi đã nhiều lúc chênh mảng việc quân người ta giận ít lần đã làm phứt muốn chủ sủy, bây giờ xấu trong quân sĩ, người ta ghét họ lắm, gà trời, xé nát hay đập. Ở quân bài lá bạc, tự nguyện rửa mình sạch đại lòn nhất khốn nạn, không xứng đáng là một tên quân dưới trướng Quốc công. Nhiều người trối mình đến chịu tội với Đại vương, có người phẫn khích tự vẫn để khỏi sống

niục. Bài lịch đã làm tức tỉnh lòng ái quốc âm ý của mọi người, kích thích lòng thù ghét quân gạc, khiến họ nhận chân được bản phận của quân nhân. Mặt họ long lanh, chỉ họ dấy nước, họ nghiêng rãng gạc gạc, họ chăm chăm luyện tập. Họ tập, một chệt đề tỏ lòng quyết tâm luyện Quốc công. Ngay khi ấy họ muốn có sức khỏe như Bàng-Mông, Hậu Nghệ, để giết hết quân thù.

Một vài người quá háng hái, thích vào cánh tay lại chữ « Sát-Thất » để luôn luôn nhắc tới lợi lẽ chung chi trong cuộc sát, tất cả mọi nơi đều hướng ướng, và mười vạn quân đều thích hai chữ « Sát Thất » ở cánh tay. Sự cổ kết hoàn toàn, sức tranh đấu của quân quốc đột nhiên tăng lên mạnh mẽ. Ngày luyện tập còn quyền, đêm quay quần chung quanh chủ tướng, nghe giảng binh thư, ai thấy đều đề hết tinh thần vào việc cứu quốc, mười vạn quân như một người, vang mệnh lệnh lý luận, cùng. Họ sẵn sàng chờ quan Mông-cổ. Vạn kiếp vang dội những câu lý lẽ cũng trạng xua bài lịch:

— Ta nay ngày thì quyền an, đêm thì quên ngủ...

— Nay các người trông thấy chủ nhục mà không biết lo, thấy nhục nước mà không biết tập, thân làm tướng phải há quân gạc mà không biết tức, đại nghĩa nhục đề hiến ngụy sứ mà không biết căm;

— Bởi cớ sao? Bởi giặc Nguyên cùng ta là kẻ thù không đội trời chung, thế mà các người cứ điềm nhiên không nghĩ đến việc báo thù, lại không biết dạy quân sĩ khác nào như quay ngọn giáo mà

đi theo kẻ thù giờ tay không mà chịu thua quân giặc...

Tướng sĩ từng từng chữ, từng câu, không ai không thuộc lòng như một bản kinh nhật tụng. Cây cỏ trong vùng Vạn - kiếp cũng như thi-thẩm họa lại bài bích của Quốc công. Đầy dẫy từ Vạn-kiếp phát ra, bài bích tràn lan khắp nơi, như gió như sóng, không ai cầm lòng được. Dân gian cũng nhiều người thích hai chữ « Sát Thát » vào vào tay. Những kẻ trốn việc, hoái chí lãnh đạm, yên thân, chỉ dợ có vài câu trong bài bích là đều cảm động, phần bích, đồ xô đến Vạn - kiếp: người nhiều và vai như chảy hội.

Và bài bích cứ truyền tay, truyền miệng, đi suốt nước Đại Việt lọt vào những hàng cửa ngõ hẻm, kêu gọi lòng của mọi người, như bài truyền đi một ngọn lửa liêng.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

Cùng các bạn gửi bài

Nhiều văn hữu vì yêu tôn chỉ Tri Tân gửi bài để góp mặt trên báo này. Chúng tôi xin thành thật cảm tạ các bạn.

Song xin có vài lời các bạn chú ý cho:

1. Xin viết một mặt giấy.
2. Viết bằng mực đang viết bút chì để tránh các chữ mờ.
3. Đề rõ địa chỉ.
4. Bài đăng hay không xin coi trên báo, đừng viết thư hỏi và đòi bản thảo.

TÒA SOẠN

Lịch sử nhi-dồng-học

(Tiếp theo trang 3)

nhi-dồng-học mở phòng, âm-thị, tính cảm-thu sự chơi đùa, đồ chơi, lòng hiếu kỳ, trí thức, nói năng, học-tập, mỹ-thuật, tư-tưởng đạo-đức v.v. đều được trình bày kỹ càng.

Ấu-trì viên giáo dục của Vương Tuấn-Thanh chia làm 3 cuốn: 1. Khảo-sát về lịch sử giáo dục nhi-dồng; 2. Tương-thuật cái thực-tế về sự giáo dục trẻ con, lại giới thiệu cái tình hình thật về ấu-trì viên của một bộ phận nước Tàu; 3. Kể những ý-kiến và phương-pháp của các nhà giáo dục cần đại đối với việc cải thiện giáo dục ấu-trì viên.

Sau khi đã xét qua lịch sử nhi-dồng-học của mấy nước ngoài, sự nghiên cứu nhi-dồng-học ở ngày nay đã là một việc rất thịnh hành và là một công cuộc rất cần-ấp. Cho nên nước nào cũng phải chú ý vào môn học ấy. Ngay như Trung-Hoa là một nước đi sau bước chậm, thế mà nhiều nhà học giả nước đó cũng phải mài-miết tâm cụi trong phạm vi nghiên-cứu ấy bằng mong có những sở-tả để đem công hiến cho đồng bào.

Trước kia, việc nghiên-cứu nhi-dồng-học còn ở trong vòng khái quát; về sau, dần dần đã có cái khuynh-hướng chia ra từng nhánh, nên chỉ những sách báo phát-biểu về sự nghiên-cứu ấy càng ngày càng nhiều.

Còn nhi-dồng-học ở nước ta ra sao, một kỳ khác sẽ xin nói tới.

HOA-BẮNG

Giới thiệu

Tri Tân đã nhận được:

1. Táy phương cổ sử của Nguyễn Đức Quỳnh giá 6\$. Hàn Thuyên xuất bản.

2. Kinh dịch (II) của Ngô tất Tố giá 10\$. Mai Lĩnh xuất bản.

3. Gia Long khai quốc văn thân (II) của Hồ văn Trưng, giá 2\$20. Đại Việt tạp chí xuất bản.

4. Những trang lịch sử về vang của Từ đạo: Nguyễn Lân, giá 4\$ Mai Lĩnh xuất bản. Một cuốn sách viết rất công phu và rất bổ ích cho các gia đình. Đáng được liệt kê vào các sách đọc giải trí ở các trường.

5. Đồ chiếu của Trúc Khê giá 5\$ Bảo Ngọc xuất bản. Một cuốn tiểu thuyết mới và hay nhất của tác giả.

6. Thương mại chỉ nam (ngân hàng học) của Dương Tự - Nguyên. Các nhà buôn, các nhà kỹ nghệ cần giao thiệp với các nhà băng; các chủ ruộng, các chủ đất và các tư gia thường có tiền bạc gửi ở các nhà băng, các bạn trẻ có hy vọng sau này sẽ vào làm việc ở các nhà băng; các nhà kế toán và các nhà có việc quan hệ với các nhà băng đều nên đọc cuốn sách hữu ích này. Sách in rất mỹ thuật bìa giấy bồi, bọc vải dày 260 trang giá bán 4\$00 thêm cước 0\$80, Đông-Tây, 195 hàng bông Hanoi xuất bản.

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu cùng các bạn đọc.

TRI TÂN

Thư-xã Alexandre de Rhodes

Mới xuất bản hai cuốn :

TRUYỆN RỪNG XANH

Phạm-xuân-Đỗ phỏng-thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ lạ và lý-thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23.

LỤC SÚC TRANH CÔNG

bản dịch Pháp văn của Hoàng-hữu-Xung và A. de R.

Bình-phần cuốn này, C. Cadéere đã nói : « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ ngâm, thì Lục súc tranh công còn tự-nhiên, phổ-thông và có vẻ « an-nam » nhiều hơn lắm... » dày 150 trang, khổ 17x23, bìa vẽ mỹ-thuật và nhiều tranh ảnh.

mỗi cuốn bản thường 4\$00 cước 0\$59

in giấy Đại-la 12\$00 cước 1\$00

Tổng phát hành

MAI-LINH

des Pipes — Hanoi

Đã có bán :

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Lịch sử tiểu thuyết
của NG. H. TƯỜNG

GIÁ 3\$60

thêm cước 0\$70

TY XUẤT BẢN TRI TÂN

95-97, Chancéaulme, — HANOI

Sắp phát hành

KHÔNG TỬ HỌC THUYẾT pho II

(50) trang, 20 000 chữ Hán)

TRIẾT - HỌC TẬP - BÚT

Gồm rất ít

THƠ MÂY NGÀN	7\$00
DU THUYẾT	3.80
VIỆT HOA THÔNG SỬ SƯ	5.00
TÂN HIẾU KINH (có Hán Văn)	1.20
LỊCH SỬ BẢO CHÍ	2.00
NGHỆ-THUẬT và DANH GIÁO	2.50
LƯỢC-LUẬN về PHỤ NỮ V.N.	2.50
KEONG TỬ HỌC THUYẾT (1)	4.50

Sắp in :

LÃO-TỬ ĐẠO-ĐỨC-KINH

HƯƠNG THỜI TÂY

PHƯƠNG THANH

QUỐC HỌC THƯ XÃ

16 bis rue Tién Tsín Hanoi

Sắp phát hành

VIỆT BÔNG

khắc luận của Nguyễn xuân Huy

— Tuyên ngôn của một nhà văn tiến từ chữ nghĩa-lãng mạn sang chữ nghĩa tả thực xã - Hội.

— Nói rõ mục đích chính đáng của nhà văn trong lúc này

Đã xuất bản :

Văn Học và triết luận (sắp in lại) của bà Mộng Sơn giá 2\$50

Văn Chương và xã Hội của Lương-đức-Thiệp giá 2\$50

Không giấc với Ông Đào duy Anh của Nguyễn xuân Diễm giá 4\$00

Đang in :

Ngã Ba : truyện dài của Lê mông Cầu cuốn sách đầu tiên trong tủ sách « Văn Nghệ Mới »

ĐẠI HỌC - THƯ XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi

Giám Đốc : LÊ MỘNG GẦU